

Chiến tranh Việt Nam
trên báo chí Đức

1975

Phan Ba dịch

"Cái chết đã bao vây chúng tôi"	3
Lần chìm đắm trong âm thầm và tuyệt vọng của Việt Nam.....	12
Giữa những người ăn xin, mại dâm và đào ngũ	17
Giờ đã điểm cho các tướng lĩnh ở Sài Gòn.....	20
Những ngày cuối cùng ở Sài Gòn	27
Đông Dương: Vài giây trước mười hai giờ	32
Đông Dương: Vài giây trước mười hai giờ (II).....	36
Đông Dương: Chúng ta đã không dự tính trước với điều này	38
11 giờ ngày 30 tháng Tư ở Dinh Tổng Thống.....	51
Không còn chào mừng nữa, mà là giáo dục cải tạo.....	57

"Cái chết đã bao vây chúng tôi"

Andreas Kohlschütter

Phan Ba dịch

Chính quyền Sài Gòn lâm vào tình trạng nguy ngập

Sài Gòn, trong tháng Giêng

Đó là Tây Ninh trong tháng Giêng 1972: một tỉnh lỵ bụi bặm, có mật độ dân cư quá cao với 40.000 người ở cạnh con đường dẫn sang Campuchia; một cái chợ ồn ào, đầy sức sống nguyên thủy, muôn màu sắc, mà người ta buôn bán và trả giá thật to bằng tiếng Việt ở trên đó; một căn cứ khổng lồ để hỗ trợ cho các chiến dịch tấn công lớn của quân đội Nam Việt Nam, tiến qua bên kia biên giới, trên đất Campuchia, hành quân tới những vùng địch thủ triển khai lực lượng; những đoàn xe tải đạn dài hàng ki-lô-mét, hàng bày trực thăng, hàng chục cố vấn Mỹ, những người có thể yêu cầu máy bay ném bom B-52 của họ hỗ trợ vào bất cứ lúc nào.



Tây Ninh ngày 31 tháng Giêng năm 1973

Tây Ninh ngày nay là như thế này: một thành phố không người với cái chợ hoang vắng mà trên có còn không có cả chó chạy rông. Tây Ninh đã trở thành một thành phố tiền tuyến đang lo sợ, bị đẩy vào thế phòng thủ, người dân đã bỏ chạy, bộ chỉ huy sư đoàn đã dời về phía sau. Lính Nam Việt Nam ngồi ở phía sau những hàng dây kẽm gai đã rỉ sét và những chông bao cát thùng lố.

Những người lính đang chờ địch thủ – và những người này thì đang ở thật gần, cả vùng đất đi về hướng Campuchia đã thuộc về tay những người cộng sản. Họ thống trị nhiều phần rộng lớn của tỉnh Bình Long kế cận, bây giờ họ ngồi trên núi Bà Đen, nổi lên từ đồng bằng ở gần Tây

Ninh giống như một ngọn núi lửa, và họ bắn tùy thích đạn pháo của họ vào cái thành phố đang nằm ở dưới chân và vào cái trại lính đã đào hầm cố thủ của nó.

Mất niềm tin

Hạ sĩ quan Nghiep thuộc vào trong số những người cuối cùng rời bỏ căn cứ ở trên núi vào đầu tháng Giêng. "Chúng tôi không còn đạn, không còn nước, không còn thức ăn nữa." Tại sao họ không được cung cấp bằng trực thăng? "Chúng tôi là những người lính tốt, nhưng chúng tôi đã nghèo đi." Vợ Đại úy Minh vừa từ Sài Gòn tới thăm ông. Lặng thinh, cạnh bên nhau, hai người ngồi trên một cái thùng gỗ trước một chai rượu mạnh đã gần cạn. Ông nghĩ gì về lần thất thủ Phước Bình mới đây, tình lý đầu tiên mà người cộng sản tiến vào kể từ lần "ngưng bắn"? Nhún vai không lời. Minh 34 tuổi, ở trong quân đội từ mười ba năm nay. Người Mỹ có quay trở lại không? "Họ phải trở lại." Và với ánh mắt buồn bã nhìn ra con đường dẫn tới cánh đồng mà anh với đại đội của anh có nhiệm vụ phải giữ nó, anh nói: "*War we no can do fini*" – "Chúng tôi sẽ không bao giờ có thể chấm dứt cuộc chiến này."

Cả cô bác sĩ người Sài Gòn mới tốt nghiệp đại học trước đây vài tháng cũng không có ảo tưởng: "Cái chết đã bao vây chúng tôi, và nó mạnh hơn chúng tôi. Cái chết xung quanh đã trở thành một sự tự nhiên đối với tôi. Nó làm cho tôi buồn, nhưng nó không còn lay động tôi được nữa. Tôi không chờ đợi điều gì khác, và tôi muốn phải chịu đau đớn càng ít càng tốt." Cô gái 24 tuổi tập trung hoàn toàn vào công việc của cô và vào cuộc sống từ ngày này sang ngày khác, "làm đến đâu ăn đến đó" như cô nói. Cô hợp tác với chính quyền Thiệu vì cộng sản nắm quyền thì "còn tồi tệ hơn nhiều nữa".

Hai năm sau khi Hiệp định Ngưng bắn Paris được ký kết, hiệp định mà mới nó hòa bình cần phải được tái thiết lập tại Việt Nam, thống trị ở Sài Gòn vẫn là tình trạng vô vọng, bất lực và không lối thoát như từ trước tới giờ. Tất cả mọi ước ao hòa bình đều bị sự bất lực trước thực tế cuộc chiến bóp cho chết ngạt. Cuộc chiến, cái mà từ ngày 28 tháng Giêng năm 1973 không còn nữa trên chính thức, vẫn tiếp tục diễn ra một cách ác liệt không suy giảm, thậm chí còn tăng lên thêm nữa. Việt Nam đứng trước năm chiến tranh thứ 29. Vào ngày 19 tháng Mười Hai năm 1946, những người theo Hồ Chí Minh đã cho nổ tung nhà máy điện Hà Nội; cuộc nổi dậy chống chính quyền thuộc địa Pháp bắt đầu. Năm 1956, những người Pháp cuối cùng rút lui, năm 1973 những lực lượng quân đội cuối cùng của Mỹ rút lui. Giữa đó luôn có hòa bình được ký kết. Nhưng bây giờ thì cuộc Chiến tranh Việt Nam lần thứ nhì đã chuyển liền mạch sang cuộc Chiến tranh Việt Nam lần thứ ba, sang cuộc "chiến tranh ngưng bắn" chết người, đã bị lãng quên hầu như hoàn toàn, cuộc chiến mà trong đó không có người da trắng mà chỉ có người da vàng chết, chỉ còn có người Việt bắn nhau với người Việt.

Các thống kê, dù chúng có không chính xác cho tới đâu, để cho người ta nhận ra được quy mô đáng sợ của cuộc chiến tranh huynh đệ này: theo số liệu chính thức của chính phủ Sài Gòn, kể từ khi tuyên bố ngừng bắn đã có trên 250.000 người chết, bị thương hay được báo là mất tích. Trong đó chỉ riêng ở phía Nam Việt Nam là 28.000 người chết, 113.000 người bị thương và 15.000 người lính mất tích; thêm vào đó là 5600 người dân thường bị giết chết và 16.000 người dân thường bị tàn phế. Từ tháng Giêng 1973, con số được Bộ Thương binh giúp đỡ đã tăng lên gấp đôi. Con số góa phụ và con mồ côi vì chiến tranh đã tăng lên thêm 25%. Cứ tám phút thì có một người lính Nam Việt Nam tử trận hay bị thương. Cứ hai phút thì có một người

Nam Việt Nam mất nhà cửa. Con số người tỵ nạn bị đuổi ra khỏi các thành phố, làng mạc và thôn ấp bởi chiến sự của cuộc chiến tranh ngưng bắn được ước lượng là 700.000 người.

Hiệp định Paris cho Việt Nam, ngoại trừ việc Mỹ chấm dứt ném bom, phá mìn các cảng biển Bắc Việt và rút quân, đã không có tác động gì. Tính toán hòa bình đáng giá Giải Nobel của Henry Kissinger xuất phát từ hai giả định mà cho tới nay đều không xảy ra. Thứ nhất: cuộc xung đột vũ trang để cho người ta lái vào những kênh chính trị và sẽ dẫn tới một cuộc tranh chấp chính trị trong lúc các hoạt động chiến đấu giảm xuống nhanh chóng; thứ nhì; cho tới khi giai đoạn chính trị này bắt đầu, quân đội Nam Việt Nam, vào giờ chót còn được nhét đầy trang thiết bị Mỹ, sẽ có khả năng ngăn chặn thành công một cuộc xâm lấn quân sự tiếp tục của những người cộng sản.



Thế nhưng người ta hoàn toàn không hề cảm nhận được một chút gì từ tính sẵn sàng thương lượng, từ ý muốn gửi quân đội trở về doanh trại và gửi nhà ngoại giao ra đấu trường ở cả hai bên. Tất cả các phương cách để cùng nhau đổ bê tông cho cuộc ngưng bắn và để bắt đầu một cuộc đối thoại chính trị giữa chính phủ Sài Gòn và Việt Cộng, "Chính phủ Cách mạng Lâm thời", đều không dẫn tới đâu.

Trong tháng Tư 1974, những cuộc gặp gỡ song phương ở St. Cloud gần Paris đã bị hủy bỏ, những cuộc gặp gỡ mà trong đó người ta bàn về việc hiện thực những điều khoản chính trị của hiệp định, về thiết lập một hội đồng hòa giải quốc gia và chuẩn bị bầu cử. Rồi trong tháng Sáu 1974, hai phe của cuộc chiến cũng hủy bỏ tất cả các cuộc tiếp xúc trong ủy ban quân sự chung, ủy ban mà đã được giao cho nhiệm vụ giữ vững việc ngưng bắn trên thực tế, đặc biệt là đường phân giới của những vùng được cả hai bên kiểm soát, của cái "da báo". Qua đó, Ủy ban Kiểm tra và Giám sát Quốc tế (ICCS) bị tê liệt hoàn toàn. Lần xâm chiếm toàn bộ tỉnh biên giới Phước Long, kết thúc vào ngày 7 tháng Giêng, không hề được mang ra bàn thảo trong hội đồng ICCS. Lời bình luận của một thành viên ủy ban người Iran: "Khi đến đây, tôi đọc Hiệp định Paris như một quyển Kinh Thánh. Bây giờ thì đã qua rồi. Tôi đã đánh mất niềm tin của tôi."

Tổng thống Thiệu đã đánh mất thế chủ động trong hiệp định ngưng bắn, thế chủ động mà ông đã giật lấy về cho mình. Năm 1973, ông đã sử dụng toàn bộ quân đội và quyền lực nhà nước của ông để chống lại Hiệp định Paris, cái đã mang lại cho ông 145.000 người lính xâm lược của Bắc Việt và trông quanh cổ ông sợi dây xích của sự cộng tác với "Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam". Cái phôi thai của một sự hiện diện chính thức của người cộng sản trong thân thể của miền Nam Việt Nam, do Kissinger và Lê Đức Thọ tạo nên, cần phải bị tiêu diệt bằng vũ lực càng sớm càng tốt.

Thiệu có bỏ lỡ cơ hội duy nhất để cho Nam Việt Nam sống còn như là một quốc gia phi cộng sản hay không? Có thể thuyết phục Hà Nội đẩy kế hoạch thống nhất bằng vũ lực vào trong ngăn kéo và cho phép có hai quốc gia Việt Nam – nhưng với điều kiện là Việt Cộng được chấp nhận như là một thế lực được đưa vào trong kết cấu chính trị của nhà nước Sài Gòn?

Rõ ràng là người Cộng sản chưa bao giờ từ bỏ hy vọng phát lá cờ của họ trên Sài Gòn và hoàn thành cuộc tái thống nhất theo di chúc của Hồ Chí Minh. Nhưng điểm nhấn trong hành động của họ kể từ ngày 28 tháng Giêng năm 1973 đã bị dịch chuyển đi thấy rõ:

Trong nửa đầu của năm 1973, Hiệp định Paris còn được chào mừng như là "chiến thắng to lớn". Hà Nội và Việt Cộng chuẩn bị cho một thời kỳ đấu tranh chính trị kéo dài. Các khả năng hợp pháp của Hiệp định – hội đồng hòa giải, các quyền tự do, bầu cử – cần phải được tận dụng, niềm hân hoan hòa bình cần phải trở thành động cơ cho một "phòng trào rộng khắp", "trên đường phố, trong nhà dân, ở trạm xe buýt, ở chợ, trong quán ăn, nhà máy, lớp học, trên đồng ruộng" – như được viết trong một chỉ thị từ Hà Nội. Một "giai đoạn mới", với "vũ khí mới" và dưới "những điều kiện mới" đã bắt đầu. Câu khẩu hiệu là không trở về với "cuộc chiến của quá khứ".

Đường lối thay đổi vào cuối năm 1973 đầu 1974. Kế hoạch hoạt động chính trị và thao túng Hiệp định Paris bị gạt bỏ. Quân đội lại nhận được mệnh lệnh "nắm lấy quyền chủ động", vì "cách mạng chỉ có thể chiến thắng ở miền Nam bằng cách dùng bạo lực vũ trang".

Trong mùa thu 1974 – điều này thể hiện rõ trong các văn kiện tịch thu được – những người cộng sản vứt bỏ hẳn các ràng buộc cuối cùng vào hiệp định ngưng bắn, như nó nằm trên giấy. Bây giờ thì phải đánh "khắp mọi nơi" và "tấn công liên tục với các đơn vị chính để giải phóng từng vùng đất một khối tay kẻ địch", và qua đó "tạo nền tảng cho chiến thắng toàn vẹn". Đó là lời tuyên bố chiến tranh mới. Vào ngày 8 tháng Mười, cột trụ cuối cùng mà Kissinger lúc

trước đã cố công dựng lên cũng sụp đổ: Chính phủ Cách mạng Lâm thời tuyên bố rằng họ chỉ tiếp tục thương lượng với Sài Gòn sau khi "Thiệu và bè lũ của hắn" bị lật đổ.

Xói mòn thành công

Năm 1973, Thiệu không tận dụng được thời gian của ông, "lần tạm nghỉ đúng phép tắc" mà Washington đã thương lượng được cho ông. Bây giờ thì thời gian hoạt động chống lại ông. Vì vào thời gian này, tương quan lực lượng đã dịch chuyển về hướng có lợi cho Hà Nội, ngay cả khi Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn vẫn còn chưa muốn chấp nhận điều đó. Tổng thống Thiệu lâm vào tình cảnh nguy ngập trên ba mặt trận, trước hết là về quân sự, nhưng cũng cả về kinh tế và đối nội.



Biểu tình chống chính phủ, Sài Gòn, 1974

Về quân sự, tuy là cho tới nay người cộng sản vẫn còn chưa xâm nhập thành công tầm chiến lược vào những vùng đông dân cư cạnh bờ biển hay vào đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng họ đã chiếm được thêm đất và dân, họ thống trị tròn 45 phần trăm lãnh thổ và 7 tới 12 phần trăm dân cư Nam Việt Nam; bàn đạp của họ đã to lớn hơn. Họ có thể đưa ra những điều kiện mới và khe khắt hơn về chính trị, nếu như lại bắt đầu đàm phán trở lại. Cuộc thâm nhập và xói mòn Nam Việt Nam đã được tiến hành một cách có hệ thống và với thành công.

Theo số liệu của CIA, người cộng sản có 300.000 lính, trong đó có 235.000 người Bắc Việt – nhiều hơn lúc ngưng bắn 90.000 người. Mặc dù vậy, thời gian này vẫn không có ai dự tính với một cuộc tổng tấn công có quy mô lớn và một trận tấn công mang tầm quyết định cuộc chiến vào Sài Gòn. Lực lượng và dự trữ của miền Bắc vẫn còn chưa đủ cho việc này. Ngoài ra, cũng không được phép khiêu khích người Mỹ có những hành động phản ứng mới, và cũng không được phá rồi giới chính trị toàn cầu của Liên bang Xô viết, nhà cung cấp vũ khí không thể

thay thế được của Hà Nội. Nhưng đồng thời, chuyên gia quân sự Phương Tây cũng loại bỏ khả năng đánh trả có hiệu quả của quân đội chính phủ để bù đắp cho lãnh thổ đã bị mất.

Trong diễn tiến của chiến dịch mới nhất, toàn bộ tỉnh Phước Long đã bị mất. Qua đó, phía bên kia bây giờ có được một hành lang rộng hơn và được bao vệ tốt hơn, dẫn từ Bắc Việt nam dọc theo biên giới Lào và Campuchia cho tới rìa của vùng đồng bằng. Ở đó, phi trường, căn cứ tiếp liệu và đường ống dẫn dầu mới được xây dựng, đường sá được đẩy mạnh về hướng Nam. Không còn bị cuộc ném bom nào của Mỹ gây trở ngại, trang thiết bị hạng nặng được kéo tới liên tục qua con đường trong rừng rậm này: trên 600 xe tăng, trên 400 đại bác hạng nặng và nhiều lượng lớn vũ khí phòng không, những cái ngay từ bây giờ đã gây nhiều khó khăn cho không quân Nam Việt Nam.

Về kinh tế, chính phủ Sài Gòn đứng trước cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất và nguy hiểm nhất của họ. Nền kinh tế, bị chiến tranh làm đảo lộn, hoàn toàn phụ thuộc vào việc Quốc Hội Mỹ có sẵn sàng ủng hộ chi hàng trăm triệu trong những năm tới đây để viện trợ về kinh tế và quân sự cho đất nước này hay không. Đó là nền tảng hoạt động cho thỏa thuận Việt Nam hóa đã được Thiệu và Nixon ký kết vào thời đó. Nhưng Nixon không còn tại chức nữa, và Quốc Hội thì dường như là không còn có kiên nhẫn với đồng minh tốn kém và không hiệu quả này.

Trong khi tiền viện trợ của Trung Quốc và Liên bang Xô viết cho Hà Nội theo ước lượng của tình báo Phương Tây đã tăng từ 715 triệu trong năm 1973 lên đến một tỉ rưỡi dollar cho năm 1974 thì viện trợ Mỹ cho Sài Gòn một phần đã bị cắt mạnh rất mạnh: xuống còn 450 triệu cho kinh tế và 700 triệu dollar cho quân đội. Lính Mỹ, những người đã từng bơm 400 đến 500 triệu dollar vào thị trường, thì đã rút đi. Dự án của Nixon về một kế hoạch Marshall cho Đông Dương đã không thành công, làn sóng được hy vọng của những đầu tư từ tư nhân nước ngoài đã không đến vì rủi ro chiến tranh vẫn còn tiếp tục.

Hậu quả của sự phát triển này hết sức trầm trọng: đóng cửa nhà máy sản xuất vì thiếu ngoại tệ cho nguyên liệu, thu nhập từ xuất khẩu giảm xuống, một đạo quân người thất nghiệp, thu nhập bình quân trên đầu người giảm mười phần trăm mỗi năm, tỷ lệ lạm phát trên xa 50 phần trăm, một cán cân thanh toán âm đậm với thu nhập từ xuất khẩu là 75 triệu so với 887 triệu dollar chi tiêu cho nhập khẩu, một ngân sách nhà nước hầu như không còn lại gì cho đầu tư xây dựng và hai phần ba tài chánh được đổ vào cho quỹ chiến tranh – để nuôi một quân đội một triệu người, cảnh sát và người tỵ nạn.

Một quân đội mà cuối cùng thì không còn có xăng dầu, đạn dược hạng nặng và phụ tùng thay thế xuống cho tới tận ác quy vô tuyến. Từ nửa đầu 1974 họ không còn có thể mua sắm máy bay hay trực thăng mới nữa, mặc dù họ mất mỗi tháng ít nhất là mười hai chiếc. Trước đây, đối phó lại với mỗi một quả đạn pháo cộng sản, người ta có thể bán trả lại tám quả đạn pháo, ngày nay chỉ còn hai. "Người lính thường ở ngoài kia trong bụi rậm có thể nghe thấy bằng chính tai mình, rằng thời thế đã thay đổi", một tùy viên quân sự Phương Tây nói.

Về chính trị, việc tiến hành cuộc chiến mà không có sự lựa chọn khác của Thiệu, và đi liền với đó là suy giảm kinh tế và nghèo hóa người dân, đang gặp phải sự chống đối ngày một tăng trong nội bộ. Sáng kiến lại xuất phát chính từ người Công giáo, những người phân đông đã chạy trốn khỏi miền Bắc và cho tới nay thuộc phần cốt lõi trung thành của tổng thống. Trong

tháng Chín 1974, linh mục Công giáo và chính trị gia tụ họp lại trong "Phong trào Nhân dân chống tham nhũng để cứu quốc gia và tái thiết lập hòa bình". Dưới sự lãnh đạo của cha Trần Hữu Thanh dòng Chúa Cứu Thế, Thiệu, gia đình ông và các thành viên dẫn đầu của chính phủ bị lên án là đã có liên quan tới sáu xì-căng-đan tham nhũng và đã "phản bội quốc gia". Tất nhiên là những người công giáo không muốn làm suy yếu công cuộc bảo vệ. "Chúng tôi sẵn sàng ngưng chiến với người cộng sản, với điều kiện là xã hội của chúng tôi trở nên lành mạnh và có khả năng chế ngự được họ."

Can đảm hơn

Rồi giữa tháng Chín 1974, người Phật giáo đã ngần ngừ một thời gian dài cũng bắt đầu làm theo; họ thành lập "Lực lượng Hòa giải Quốc gia". Nhân vật lãnh đạo của họ là Thích Trí Quang, lãnh tụ của nhóm chức sắc cực đoan trong chùa Ấn Quang, trung tâm tinh thần của Phật giáo ở Nam Việt Nam.



Sài Gòn 1974 với chiếc xe La Dalat

Ở đây, người ta đặt ra những ưu tiên khác: hòa bình bằng mọi giá, kể cả cái giá của một chính phủ liên minh với người cộng sản. "Chiến tranh là gốc rễ của mọi sự xấu xa, sau khi chấm dứt nó thì cũng có thể xóa bỏ tham nhũng và làm sạch xã hội", phát ngôn viên chùa Ấn Quang, Thích Quang Do tự tin nói. Phong trào Phật giáo tự hiểu mình là lực lượng thứ ba, trung lập, đứng giữa, giữa hữu và tả. Khác với người Công giáo, người ta đánh trống chống Mỹ thật to trong chùa: "Họ can thiệp khắp nơi và chỉ tin vào sức mạnh từ đồng dollar và bom đạn của họ."

Cả hai nhóm tôn giáo đối lập đều châm chích Thiệu, nhưng thật sự đâm vào thì còn chưa có nhóm nào dám. Ngoài ra, một sự cộng tác có khả năng hoạt động giữa các nhóm đối lập khác

nhau phải đương đầu với một sự nghi ngờ lẫn nhau thật sâu xa. Cho tới nay, không có gì thành hình nhiều hơn là các liên hệ lỏng lẻo.

Ông Thiệu khôn ngoan và nhanh nhẹn về phần mình cũng đã hoạt động để lấy gió ra khỏi cánh buồm của giới đối lập đang thành hình. Ông nắm chặt lực lượng cảnh sát, đáp ứng lại sự thịnh nộ của người dân và đích thân chống lại những người tham nhũng cao cấp: bốn bộ trưởng bị sa thải, trong số đó có Nha cháu của ông, sếp thông tin và kiểm duyệt bị căm ghét, ba chỉ huy quân đoàn bị sa thải, chín tỉnh trưởng bị thay thế, hàng trăm thiếu tá, trung tá và đại tá phải ra đi. Động tác chính trị, tất nhiên rồi, nhưng khéo léo và được trình diễn có hiệu quả. Thêm vào đó, lần cộng sản chiếm Phước Bình cũng khiến cho quan chức bất hòa giải nhiều nhất cũng phải toát mồ hôi trán.

Tuy vậy: phạm vi của Thiệu cũng đã bị thu hẹp trong ngôi nhà của chính ông, vị trí của ông và tính chính danh rõ ràng là đã bị phong trào chống đối làm cho suy yếu đi. Phe đối lập chia rẽ, phân tán, mơ hồ trong các chương trình của họ, phi thực tế trong các tuyên bố của họ, tất nhiên rồi. Thế nhưng đã bắt đầu có chuyển động trong các mặt trận nội địa cứng nhắc, có những điều mà người Nam Việt chỉ dám thì thào trong những năm vừa qua thì bây giờ đã được nói công khai. Tran Van Tuyen, một lãnh tụ đối lập quốc gia già chịu ảnh hưởng dân chủ xã hội, đúc kết: "Chúng tôi đã can đảm hơn."

Chiến tranh vẫn tiếp tục

Thiệu suy yếu, nhưng vẫn còn mạnh cho tới mức không thể bị lật đổ. Trong lúc đó, những người cộng sản, hiện giờ hoàn toàn không sẵn sàng cho bất cứ một thỏa hiệp chính trị nào và đang tấn công về mặt quân sự, lại giúp cho ông. Cũng trợ giúp cho ông là khả năng chịu đựng và tính khoan dung hầu như không thể hiểu được của dân tộc này, một dân tộc luôn phải chịu đựng chiến tranh và những hy sinh mất mát xuất phát từ đáy như thế nào đó – như phải chịu đựng một mùa buồn thảm trong năm mà không thể đảo ngược được.

Ở Tây Ninh, những người phụ nữ nhà nông với cái nón lá sáng óng ánh của họ khom người xuống mặt đất, trong khi đạn pháo hú lên bay qua đầu họ. Ở cạnh đường số 4, con đường lúa gạo giữa Sài Gòn và vùng đồng bằng, có một đứa bé ngồi cười trên một con trâu và thả chiếc diều của nó bay lên, chính xác ở nơi mà ngày hôm qua đã có người bị bắn chết.

Cạnh Quốc lộ 1 giữa Huế và Quảng Trị ở phương bắc, con đường của kinh hoàng và chết chóc năm 1972, những người dân làng trở về đã xây thùng chứa nước và bếp nấu từ những vỏ đạn đại bác nằm xung quanh và xây giường ghế từ những thùng chứa đạn bị quăng đi.

Lúa mới xanh tươi mọc cho tới tận rìa của vô số những mô đất nhỏ, mà xác người của trận đánh được chôn ở dưới đó. Chẳng bao lâu nữa nó cũng mọc vượt qua đó. Vì cuộc chiến này, dù nó có tạo ra những vết thương nặng cho tới đâu, không đạt tới mức độ của sự tàn phá và hủy diệt toàn bộ, tới mức độ làm ngưng tất cả mọi thứ. Nó vẫn luôn là chiến tranh và hòa bình, vẫn là cuộc chiến xảy ra bên cạnh cuộc sống hàng ngày. Vì vậy mà nó kéo dài tới như vậy. Vì vậy mà người đứng đầu chính phủ Bắc Việt Phạm Văn Đồng thời đó đã có thể hỏi nhạo báng đáp trả cho một phóng viên của tờ New York Times: "Người Mỹ muốn chiến đấu lâu cho tới chừng nào? Một năm, hai, ba, năm, mười, hai mươi năm? Đó sẽ là một niềm vui cho chúng tôi."

Nơi mà người Mỹ không có kiên nhẫn đã rút đi bây giờ chỉ còn người Việt ở lại với cuộc chiến riêng của họ. Không có chung lịch sử, không có sự phân đôi đơn giản về mặt địa lý như ở bán đảo Triều Tiên và không có tính khoan dung của Lào giúp họ. Cuộc chiến vẫn tiếp tục. Còn bao lâu nữa? Không ai biết.

Phan Ba dịch từ báo Die Zeit (Thời báo), số 6 năm 1975: <http://www.zeit.de/1975/06/der-tod-hat-uns-eingekreist/komplettansicht>

Lần chìm đắm trong âm thầm và tuyệt vọng của Việt Nam

Theo Sommer, báo Die Zeit (Thời Báo), 04 tháng Tư năm 1975

Phan Ba dịch

Không có hành động anh hùng nào để tường thuật từ Việt Nam, chỉ là sự đau khổ không thể kể xiết của vô số con người. Thermopylae [nơi đã xảy ra nhiều trận đánh dữ dội trong lịch sử]? Lần hủy diệt người Goth ở cạnh ngọn núi lửa Vesuvius? Chết trong cương trực? Không: rút lui mà không có chiến đấu, chạy trốn hoảng sợ của một quân đội đã mất tinh thần chiến đấu là chuyện hàng ngày; ngay cả các đơn vị tinh nhuệ cũng nổi bật lên qua sự nhẫn tâm tàn bạo đối với người dân thường. Hỗn loạn ở Huế, hoảng sợ trong cảng Đà Nẵng, những cảnh tàn bạo gần như là giết đồng loại trên phi trường Đà Nẵng – thế giới sẽ nhớ lại những điều đó, chứ không phải nhớ những trận đánh vinh quang.



Đà Nẵng, 24 tháng Ba 1975

Hiếm khi nào mà một đất nước sụp đổ một cách lặng lẽ như vậy, mà sức chiến đấu của nó, kỷ luật của nó, tinh thần của nó lại bốc hơi nhanh như vậy. Tại sao, tại sao? Thế giới chỉ thấy những điều khó hiểu. Ngay cả người Bắc Việt và Việt Cộng, những người vào đầu tháng Ba trên cao nguyên chỉ bắt đầu một đợt tấn công có giới hạn, cũng chung hững.

Bây giờ thì một lực lượng nhân dân tự vệ có nhiệm vụ phải bảo vệ thủ đô Sài Gòn và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ai còn dám tin vào điều đó? Sự xói mòn ý chí bảo vệ Nam Việt Nam, sự sụp đổ của quân đội, sự tuyệt vọng thần thờ của người dân không còn để cho người ta nghĩ tới những nỗ lực quốc gia. Kết cuộc có thể đến nhanh hơn là có ai đó nghĩ trong ngày

hôm nay – cũng là kết cuộc của ảo tưởng Mỹ, rằng Nam Việt Nam sẽ cầm cự được rất lâu dài mà không cần có quân đội Mỹ.

Lịch sử thích những sự trùng hợp bất thường như vậy. Khi Đà Nẵng thất thủ thì gần đúng chính xác mười năm, kể từ khi những đơn vị chiến đấu đầu tiên đổ bộ lên đất liền ở bãi biển Nam Ô, cách Đà Nẵng năm ki-lô-mét, được thân thiện chào mừng bởi mười cô gái Việt cầm hoa: 3500 lính thủy quân lục chiến, những người có nhiệm vụ bảo vệ căn cứ không quân Đà Nẵng. Từ đó, Tổng thống Johnson đã chỉ thị như vậy, cần phải tiến hành một cuộc chiến dịch ném bom chống Bắc Việt Nam – để trả đũa cho nhiều vụ tấn công vào các trại cố vấn của người Mỹ.

Lúc đó đã có nhiều người cho rằng chỉ thị này của Johnson là đúng; cho cả lần đổ bộ của những lực lượng quân đội Mỹ tiếp theo sau đó trong tháng Sáu. Xâm lược phải bị trừng phạt, điều này là kiến thức thông thường của Phương Tây vào thời gian đó; sau khi ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản Xô viết ở châu Âu bây giờ đứng trên chương trình làm việc là ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản Bắc Kinh ở châu Á. Nếu như người Mỹ không chiến đấu vì Sài Gòn thì rồi còn có ai tin rằng trong trường hợp khẩn cấp họ sẽ nhảy vào giúp đỡ cho Berlin? Dưới ánh sáng này, sự can thiệp của người Mỹ không phải là một hành động mang tính đế quốc, mà là một sự can thiệp mang tính tự do, có nhiệm vụ bảo đảm cho Nam Việt Nam cơ hội của một nền dân chủ đa nguyên trong tương lai.

Những người đã nghĩ như vậy vào lúc đó thì ngày nay còn chưa cần phải hổ thẹn vì động lực của họ. Dòng người tỵ nạn của những tuần vừa qua, dù có xuất phát từ sự hoảng loạn nhiều hơn là từ sự tính toán bình tĩnh, đồng thời cũng bộc lộ một phần xạ mang ít tính ca ngợi cho người cộng sản – và với việc nổ súng vào đoàn người khốn cùng đó, Việt Cộng cũng như người Bắc Việt cũng đã lại tiến hành phần việc của họ để cho hồi ức về những lần thanh trừng đẫm máu trong các vùng do họ chiếm đóng và về những ngôi mộ tập thể ở Huế sống lại. *Vae victis* [Khốn khổ thay cho những người bại trận]: lời nói này vẫn còn đúng.

Giá quá cao

Cố gắng giữ cho Nam Việt Nam tránh khỏi số phận tàn nhẫn của những người bại trận là một việc đáng khen. Rằng cuối cùng thì nó đã thất bại, điều đó không thể định trước được. Nhìn theo góc độ này thì tất cả chúng ta đều đã học hỏi thêm được.

Thứ nhất: Phương tiện của cuộc chiến chẳng bao lâu sau đó đã cướp đi chân giá trị của nó, trước hết là cuộc chiến tranh ném bom; qua đó những gì cần phải được bảo vệ ở miền Nam đã bị phá hủy, và những gì lẽ ra đã có thể là nền tảng đạo lý cho sự can thiệp của Mỹ đã bị đập vỡ tan.

Thứ nhì: Cuộc chiến nhanh chóng phát triển từ một hành động hỗ trợ của Mỹ thành một cuộc chiến tranh chủ yếu là của Mỹ; nỗ lực riêng của người Nam Việt Nam vẫn không đủ, động cơ của họ không đủ.

Thứ ba: Về lâu dài, xung đột này vượt quá khả năng của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, xung đột mà đã chia rẽ nội bộ của nó và ở bên ngoài thì đã hấp thụ nó mạnh cho tới mức nó đã bị loại trừ ra khỏi chính trường thế giới như là một yếu tố cần phải được nể trọng, không còn đủ khả năng để làm tròn các nhiệm vụ chính trị thế giới còn lại của nó.

Không phải động cơ cho lần can thiệp đã lộ ra là không đầy đủ và vô lý, mà chính là các phương tiện và khả năng của nó. Cả đến ngày nay, điều này cũng cần phải được đưa ra như là lý lẽ để chống lại tất cả những người thời đó đã biểu diễn những màn nhảy múa chống Mỹ trên đường phố với bọt mép ý thức hệ ở trên miệng. Họ đã *muốn* có kết cuộc buồn thảm này, cái mà ngày nay thế giới đang trải qua; chúng ta, những người còn lại, chỉ mang chúng ta đến nhận thức, rằng không thể *ngăn chặn* nó với một cái giá có thể chịu đựng được. Đó là một sự khác biệt cách xa nhau như trời với đất.



Biểu tình chống Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Tây Berlin, tháng Năm 1972. Trên một của những biểu ngữ là "Vì công cuộc xây dựng Đệ tứ Quốc tế".

Tất nhiên, khi việc không đạt tới chiến thắng đã là điều chắc chắn, thì việc mất toàn bộ Nam Việt Nam cũng đã trở thành khả năng thực sự ngay trong cùng khoảnh khắc đó. Trước đây bảy năm, sau khi Johnson ngưng ném bom, báo Die ZEIT đã viết về câu hỏi, liệu Việt Nam có được một cơ hội sống còn sau khi người Mỹ rút quân: "Chỉ có một bảo đảm duy nhất – tính ổn định nội bộ của Nam Việt Nam. Thế nhưng ngày nay cũng như năm 1954 sau khi người Pháp rút lui, người ta không thể nói về việc đó được. Khó khăn trong lúc đó: chừng nào mà cuộc chiến còn kéo dài thì sẽ không có một sự ổn định mang tính dân chủ thật sự; nhưng khi cuộc chiến chấm dứt mà nền tảng của nhà nước Nam Việt Nam vẫn còn chưa được củng cố trước đó, thì hòa bình có thể chỉ là giai đoạn chuyển tiếp sang tình trạng bị chinh phục."

Điều đó đã đến đúng chính xác như vậy, bắt buộc phải đến đúng như vậy. Vào ngày 3 tháng Chín 1963, hai tháng trước khi bị ám sát, Tổng thống Kennedy đã nói: "Cuối cùng thì đó là cuộc chiến của họ. Nhân dân Việt Nam phải chiến thắng cuộc chiến đó." Họ không có khả

năng để làm việc đó, như hiện giờ đã được chứng minh. Nhân dân Việt nam đã thua cuộc chiến; thế nào đi nữa thì chính phủ của họ cũng đã đánh mất cơ hội duy nhất, thoát cảnh chiến bại, khi họ mù quáng đặt cược vào chiến thắng quân sự trong hai năm vừa qua, và không để mất tới tất cả các khả năng chính trị cho một sự tồn tại lâu hơn, ít nhất là để tranh thủ thời gian.

Không có những huyền thoại về con dao đâm sau lưng. Nam Việt Nam đã sụp đổ vì nghệ thuật cầm quyền còn thiếu thốn của Thiệu và vì sự thống lĩnh ngây thơ của ông. Nó không phải thua vì người Mỹ "keo kiệt". Quốc Hội Mỹ đã từ chối không thông qua viện trợ để tiếp tục cuộc chiến? Thật sự thì Lầu Năm Góc còn chưa chuyển hết số tiền đã được chấp thuận. Người Nam Việt không có đủ quân lính, đủ vật liệu phục vụ cho chiến tranh, đủ vũ khí và đạn dược? Thật sự thì quân đội vẫn còn vượt trội về số lượng của họ đã để rơi vào tay kẻ địch trang thiết bị quân sự với tổng giá trị trên xa 300 triệu dollar khi họ hoảng loạn chạy trốn. Ai còn được phép đổ lỗi cho Quốc Hội?

Cả hòa bình cũng có thể bị chia cắt

Đến Henry Kissinger, nhà kiến trúc sư cho lần ngưng bắn bất hạnh đó của Việt Nam, cũng không được phép làm điều đó. Ngay từ đầu, những gì mà ngày nay đang diễn ra ở Việt Nam đã nằm trong vùng của những điều mà có lẽ là ông không mong muốn, nhưng đã chấp nhận. Bây giờ, khi cấu trúc của ông sụp đổ, ông không cần phải cố gắng bảo vệ tiếng tăm của ông như là một nhà ảo thuật về ngoại giao với những thủ đoạn ảo thuật tri thức.

"Chúng ta phải thừa nhận rằng hòa bình là không thể chia cắt được", ông nói tại cuộc họp báo chí gần đây nhất, Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ không được phép tiến hành chính sách "tin cậy có chọn lọc". Điều đó đúng nếu như tất cả các mối đe dọa hòa bình đều xuất phát từ một trung tâm duy nhất. Trong một thế giới không rõ ràng như thế giới của chúng ta thì điều đó đơn giản là sai. Ở đó chỉ có một sự thật duy nhất: nước Mỹ không có khả năng làm mọi việc, nó chỉ có thể giúp những người mà chính mình không bỏ cuộc.

Người Israel biết điều đó, người Âu cũng nhìn như vậy. Vì vậy mà lý lẽ của một tính đáng tin cậy *được làm sống dậy* đã đi lạc đề. Nước Mỹ chỉ có thể chứng minh tính cương quyết và đáng tin ở nơi mà đồng minh của nó cũng cương quyết và đáng tin. Không ai được phép đòi hỏi nó nhiều hơn. Những người đầu hàng không được phép dự tính với sự giúp đỡ của nó. Đó không phải là toàn bộ ý nghĩa của học thuyết Nixon hay sao? Thế nào đi chăng nữa thì đó không phải là chủ nghĩa biệt lập.

Đó là một mặt. Mặt kia là: Cả nước Mỹ cũng phải đặt ra cho mình thứ tự ưu tiên. Không phải khu vực nào của thế giới cũng có tầm quan trọng như nhau đối với Washington; cuối cùng thì vẫn có sự khác biệt. Tính đáng tin cậy của chính phủ Hoa Kỳ cuối cùng thì không tự thể hiện nó trong sự mù quáng giữ chặt lấy những hoạt động không còn có giá trị nữa; nó chỉ có thể tự thể hiện qua phán xét phân biệt. Về Đông Dương thì Quốc Hội đã đúng. Về châu Âu và Trung Đông thì Kissinger và Ford đã có thể đưa ra cho họ một bài học hữu ích về thứ tự ưu tiên.

Việt Nam lặng lẽ sụp đổ, không hề có dấu vết của một Thermopylae. Nếu như người ta cứ để cho tấn bi kịch đó diễn ra sớm hơn, trước đây 21 năm hay trước đây hai năm – thì có ít thất

vọng hơn không? Câu hỏi vô nghĩa. Quan trọng chỉ là việc sự thất bại của Mỹ ở Đông Dương bây giờ không được phép biến thành một sự chán nản làm tê liệt mọi việc của thế lực dẫn đầu thế giới Phương Tây. Muốn có được điều đúng đắn, ngay cả khi không đưa nó ra được, không được phép là có để nao núng, để rút lui vào cái vỏ ốc của sự biệt lập.

<http://www.zeit.de/1975/15/ein-hoher-einsatz-ging-verloren/komplettansicht>

Giữa những người ăn xin, mại dâm và đào ngũ

Sài Gòn trong tháng Tư

Colin Smith, báo Die Zeit (Thời Báo), 11 tháng Tư 1975

Phan Ba dịch

Cuộc sống ở Sài Gòn diễn tiến dưới một cái chuông mong manh của sự bình thường; nó gần như có thể làm cho người ta quên đi sự tồn tại siêu hiện thực của thành phố. Cứ giống như là các đoàn quân tan rã ở phương bắc hoàn toàn không phải là hiện thực – hay chính thành phố chỉ là một sản phẩm của sự tưởng tượng, được mơ mộng ra để an ủi cho sự hỗn loạn và đau khổ ở khắp xung quanh.

Đường phố Sài Gòn vẫn còn an ninh hơn là đường phố của Belfast. Từ bốn năm nay không còn có chiến dịch khủng bố nào của cộng sản trong thành phố nữa. Nếu như có những quả bom nào đó nổ thì đó là tác phẩm của những băng nhóm giang hồ, thể nào đi nữa thì cũng thuộc về giới phi cộng sản. Chỉ khi người ta nhìn kỹ thì mới nhận thấy rằng những đội tuần tra đội nón sắt cầm tiểu liên dày đặc hơn thường ngày, và họ kiểm tra giấy tờ của từng người lính đặc biệt kỹ lưỡng.



Đường Tự Do, Sài Gòn 1972. Hình: Gene Whitmer

Ở trong Sở Thú, những con voi, tức giận vì nhàm chán, lắc lư buồn bã trên sàn bê tông. Dưới một tàn cây, những chàng thanh niên trẻ tuổi khá giả, đã thoát được quân dịch, uống nước cam ép và hát những bài ca Pháp đệm đàn guitar Tây Ban Nha. Một hạ sĩ quan và những người bạn của anh ấy ôm chầm lấy nhau trên bãi cỏ. Những người đồng tính trẻ tuổi, kiếm sống bằng nghề chụp ảnh với những cái máy Polaroid, nắm tay nhau đi dạo. Chỉ với một phần tư của cái giá mà họ yêu cầu, một người đàn ông dùng kéo cắt từ giấy cứng màu trắng những hình dạng giống như một bức chân dung đến mức đáng ngạc nhiên. Ba người lính rách rưới

không có trang thiết bị ngủ gà gật trong một cái vụng lâu. Họ trông có vẻ mệt mỏi, kiệt sức và kiệt quệ như tất cả những người về đây từ phương bắc hay từ cao nguyên.

Tất cả các nhà hàng Pháp tương đối tốt đều mở cửa, mặc dù trong một vài quán không còn có rượu vang nữa, chỉ còn bia, và vào buổi tối là thực đơn đặc biệt vì giới nghiêm. Sau chín giờ rưỡi người ta không nhận đặt món ăn uống nữa; nhưng điều đó chỉ tập trung việc kinh doanh lại, thế nào đi nữa thì cũng không gây hại tới nó. Ở cạnh bàn là những gương mặt cũ: các nhà ngoại giao, các chuyên gia Mỹ ở vòng ngoài, nhà báo truyền hình ồn ào, người Việt nói tiếng Pháp và những người bám rễ chặt nhất trong số những người ngoại kiều Pháp, mà trong số đó thường là có một ông "bố già".

Cuộc chiến thống trị các câu chuyện như từ ba mươi năm nay. Có lẽ là giọng nói của những người Việt có cao thế lên thêm một chút. Ở bàn bên cạnh, người tình hai dòng máu Âu Á của một người nước ngoài bật khóc òa. Cô mắng mỏ người này, vì anh cuối cùng cũng không mang cô và mẹ cô ra khỏi thành phố này, trước khi Việt Cộng vào và giết chết hết tất cả. Người ngoại quốc đó ngượng ngùng, người mà chức vụ của ông không tạo cho ông có khả năng mang người Việt ra nước ngoài, ngay cả khi anh muốn kết hôn với cô gái đó, điều mà anh ta không muốn. Anh ấy gọi thêm rượu vang và cố gắng đổi đề tài. Thế nhưng người phục vụ lại mang câu chuyện trở lại nay lập tức. "*Hue fini, Da Nang fini, Pleiku fini, Kontum fini, Nha Trang fini*", với giọng đều đều, ông đọc toàn bộ bài kinh của cái thảm họa đó ra.

Một người thầy giáo trẻ tuổi râu đỏ tên là Alain Pottiert và một đại úy của quân cảnh, người không muốn cho biết tên mình, đang ngồi trên hàng hiên của khách sạn "Continental". Họ nhấp ly chanh xô-đa của họ và thuật lại việc họ chạy trốn ra khỏi Đà Nẵng ra sao. Người Pháp này đã bám vào càng của một chiếc trực thăng thuộc Air America; đồng đưa ở càng bên kia là một người Âu-Á; cuối cùng, phi đội của chiếc trực thăng kéo cả hai người lên. Người cảnh sát quân đội đã bơi xuôi sông Cẩm Lệ mười hai ki-lô-mét ra cửa biển; ở đó ông được một chiếc tàu Mỹ vớt lên. Bây giờ thì ông muốn chờ khoảng một tuần, rồi đi trình diện. Có thể thấy rõ: ông muốn biết mọi việc diễn tiến theo chiều hướng nào.

Trên những con đường cạnh hàng hiên khách sạn, những người bán hàng rong đang tranh nhau. Phần lớn đã làm ăn phát đạt trong thời mà người Mỹ còn ở đây. Bây giờ thì họ chỉ còn có thể chào mời dịch vụ của họ cho một nhóm ngày càng nhỏ đi của người Phương Tây. Các cô gái mại dâm cũng có ở đó và những người thích mặc quần áo khác giới (người dân nói rằng đó là hạ sĩ quan của quân đội chính quy với hai quả lựu đạn trong chiếc áo ngực). Cả một đoàn trẻ con chạy vụt qua: những đứa bé đánh giày với những cái hộp gỗ nhỏ của chúng; những đứa trẻ bán báo – "*You fini your Newsweek you give me o. k.?*" – buôn bán phát đạt với những tờ báo cũ; những đứa lớn hơn cũng thế với những cái khăn giấy của chúng, và cuối cùng là các cô bé gái với những vòng hoa lái.

Ngày nay có nhiều người ăn xin trong trung tâm thành phố hơn là một năm trước đây. Nhiều người trong số họ là người tàn phế trong những bộ quân phục rách rưới. Hai bà xơ trung niên qua lại trên đường phố và chìa vào mặt bất cứ ai những tờ giấy chứng nhận đã phai mờ đó, đầy con dấu, được ép nhựa cẩn thận; họ được cho là quyên tiền cho một trại mồ côi. Một cô gái 19 tuổi nguyên là gái bán dâm trước đây, bây giờ đã nghiện ma túy vô vọng, đã nghĩ ra một cái gì khác đặc sắc hơn. Người ta nói rằng trước đây năm năm, khi lính Mỹ còn ở đây, cô

là một cô gái đẹp. Ngày nay thì cánh tay cô đầy vảy. Cô nói: "Em không phải là gái điếm, em móc túi. Em ở tù ra, không có tiền. Em có chân bị thương, không thể đi trộm cắp. Anh cho em tiền để ăn, cho tới khi chân em lành và em có thể đi làm lại được?" – "Em muốn làm gì khi Việt Cộng vào đây?" – "Vây thì em sẽ làm ruộng."



Đường Tự Do, Sài Gòn 1973. Hình: Gene Whitmer

Giới trung lưu ít xuôi tay chấp nhận số phận hơn. Một nha sĩ Việt, người được đào tạo ở Pháp và ở Hoa Kỳ, nói rằng phải xảy ra điều gì đó để ngăn chặn sự suy tàn. "Thiệt phải từ chức khi nhiệm kỳ của ông chấm dứt vào tháng Mười, và cho tới chừng đó thì ông cần phải tập trung xây dựng một người kế nhiệm. Nhưng chính phủ kế đến phải có nhiều thành viên dân sự hơn nữa – không chỉ là những người lính không có đầu óc đó."

Ông sẽ làm gì nếu như người cộng sản vào Sài Gòn? "Trong trường hợp xấu nhất thì tôi sẽ ra nước ngoài. Pháp, Úc, Canada, Mỹ – tôi không biết tôi sẽ đi đâu, nhưng tôi sẽ không ở đây với người cộng sản. Nếu thế thì mọi việc đều chấm dứt." Người nha sĩ đã từng là sĩ quan của Việt Minh trong cuộc chiến chống người Pháp. "Nhưng tôi là một người yêu nước, không phải là người cộng sản", ông quả quyết. "Thậm chí thời đó là chúng tôi đã có khó khăn với họ rồi."

Từ đường Tự Do, con đường mua sắm ồn ào đầy người, có thể nghe được tiếng súng liên thanh hạng nặng, có tiếng la hét kèm theo. Nhưng nó chỉ là một màn âm thanh mở đầu cho một giai điệu kèn chiến tranh, cái bây giờ được phát ra qua hệ thống loa công cộng. Người ăn xin và cô gái điếm, người già giới tính khác và những đứa bé bán hàng rong – không một ai buồn chú ý đến nó.

Phan ba dịch từ: <http://www.zeit.de/1975/16/hektischer-tanz-auf-dem-vulkan/komplettansicht>

Giờ đã điểm cho các tướng lãnh ở Sài Gòn

Karl-Heinz Janßen, báo die Zeit (Thời Báo), 25 tháng Tư 1975

Phan Ba dịch

Meine, meine, tekel, upharsin [Cựu Ước, Sách của Daniel: Chúa đã đếm những ngày còn lại của vương quốc người và sẽ chấm dứt nó] – dấu hiệu báo trước không muốn rời khỏi bức tường của Dinh Tổng thống. Vào ngày thứ Tư, kẻ địch đã tràn ngập thành phố quê hương Phan Rang cạnh biển Đông của ông; vào ngày thứ Năm, đồng minh Campuchia của ông ở Phnom Penh đã bỏ vũ khí xuống trước Khmer Đỏ; vào ngày Chủ Nhật, ông mất liên lạc vô tuyến với những người bảo vệ Xuân Lộc, pháo đài cuối cùng trước cửa ngõ Sài Gòn; vào tối thứ Hai, Tướng Nguyễn Văn Thiệu, từ tám năm nay là tổng thống của Việt Nam Cộng Hòa, từ chức. Ông đầu hàng lúc năm phút trước mười hai giờ. Ông không chỉ lùi bước trước ưu thế của kẻ địch, khi các sư đoàn Bắc Việt đang tập trung lại cho trận tấn công vào Sài Gòn, ông bỏ cuộc vì – theo phiên bản của ông – nước Mỹ lớn lao đã bỏ mặc ông: "Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ đã không giữ đúng các lời hứa của họ. Điều đó là không công bằng. Điều đó là vô nhân đạo. Điều đó là không đáng tin. Nó đơn giản là vô trách nhiệm."



Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu vào ngày 14 tháng Tư năm 1975 ở Sài Gòn

Người đàn ông đó đã nói với nhiều nước mắt như vậy, người mà Richard Nixon có lần đã từng gọi là "một trong bốn hay năm chính trị gia lớn nhất của thế giới". Cột trụ cuối cùng đã sụp đổ, cột trụ mà John Foster Dulles, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của cuộc Chiến tranh Lạnh, đã muốn xây dựng ở Việt Nam, để chống lại sự xâm lược của cộng sản. Những lời nói của Henry Kissinger, được *L'Express* đăng tải lại trong cùng ngày, phải giống như lời nhạo báng cuối cùng: Nước Mỹ sẽ không ép buộc Tổng thống Thiệu từ chức để đạt được một thỏa thuận hòa bình cho cuộc chiến tranh ngưng bắn. Vì chính phủ và Quốc Hội ở Washington không mong muốn điều gì nhiều hơn là điều này trong những năm vừa qua.

Họ đã chán ngán ông tướng nhỏ con cứng đầu đó, người lúc nào cũng vẫn còn muốn đánh những trận đánh của ngày hôm qua, và cuối cùng còn đe dọa sẽ phá hỏng cả cuộc di tản những người Mỹ cuối cùng ra khỏi Sài Gòn một cách đẫm máu. Tất cả những giọt nước mắt cá sấu của Tổng thống

Ford không thể lau sạch đi được sự thật, rằng nước Mỹ đã gạch tên nhà độc tài nhỏ bé ở Sài Gòn ra khỏi lịch sử thế giới từ hai năm trước đó rồi. Ông còn được phép ăn bánh mì cứu tế một thời gian, nhưng rồi người ta cũng giật nột nó khỏi tay ông.

Bây giờ thì tờ International Herald Tribune mặc sức nói: tội lỗi nặng nhất của Thiệu là ông không chiến thắng được người Bắc Việt và Việt Cộng bằng vũ khí của ông – cứ như thể là

ông từng có khả năng làm cái việc mà người Mỹ với quân đội tốt hơn rất nhiều và với nhiều vũ khí hơn rất nhiều cũng đã không làm được. Đó là một cung cách đối xử hèn hạ, lạm dụng con người từng là gương mẫu được tưởng thưởng của liên minh Thái Bình Dương như là một kẻ phải chịu đòn thay. Nguyễn Văn Thiệu là tạo vật của cường quốc Mỹ – họ thổi tinh khí vào ông, và họ cũng thổi tắt ánh sáng sự sống của ông, không phải mãi bây giờ mà ngay từ trong mùa thu 1972 rồi. Trong bài diễn văn từ giã của mình, Thiệu đã táo bạo nhắc cho người Mỹ nhớ rằng họ đã mang ông vào trong tình trạng bất khả này, tình trạng mà không có lối thoát ra cho ông từ đó.

Khí phách quân sự

Thiệu có thể đến với một hàng dài các chính khách của những quốc gia nhỏ đó mà bị kịch của họ là đã mù quáng tin vào những bảo đảm và hứa hẹn hay chỉ là cảm giác danh dự của các nước lớn, đến với Beck và Beneš, Sikorski và Mikolajczyk, Nagy và Dubček. Cả người tiền nhiệm và cũng là người nâng đỡ ông, Diệm, người mà ông đã đuổi ra khỏi dinh vào ngày 1 tháng Mười Một 1963, cũng thuộc vào trong số đó – và Tướng Giới Thạch.

Nhìn chung thì hai nhân vật đầy tính bi kịch đó – người Trung Hoa Quốc gia và người Việt Nam Quốc gia đó – có nhiều nét giống nhau đến mức đáng ngạc nhiên. Hai người đều xuất thân từ những hoàn cảnh tương đối nghèo, cả hai đều đi tìm may mắn của mình trong quân đội, hôn nhân với một người phụ nữ Ki-tô giáo giàu có đã giúp cả hai người có được thanh danh trong xã hội, cả hai người đều cải đạo sang Ki-tô giáo: Thạch trở thành người của Phong trào Giám Lý, Thiệu trở thành người Công giáo. Người ta có thể tiếp tục liệt ra những điểm tương đồng. Cả hai người đều dựa quyền lực của họ trên một mạng lưới dày đặc của những quan hệ và phụ thuộc cá nhân; mặc dù có ý định thật tốt, nhưng họ không thể ngăn chặn được sự suy đồi đạo đức của một giới thượng lưu hết sức tham nhũng; và ngoài khí phách quân sự và tính kiên cường cá nhân thì họ không đưa ra được gì để chống lại lời thách thức ý thức hệ của một cuộc nông dân nổi dậy hướng tới chủ nghĩa dân tộc.

"Bà thấy đấy, Mademoiselle", Tổng thống Thiệu nói với nữ nhà báo người Ý Oriana Fallaci, "tất cả những gì mà tôi làm thì tôi đều muốn làm cho đúng và tốt: dù tôi bước sang một tín ngưỡng khác, dù tôi chơi quần vợt, dù tôi cỡi ngựa, dù tôi trượt nước, dù tôi tại chức như là tổng thống." Ông thành công vượt mức trên con đường sự nghiệp của ông – ông bao giờ cũng đoán đúng.

Thay vì cùng rút lui cùng với Việt Minh vào trong rừng rậm và có một tương lai không chắc chắn, như một vài người bạn học của ông đã làm, ông chọn con đường thẳng tiến chắc chắn trong quân đội thuộc địa Pháp: ông trở thành người lính chuyên nghiệp. Ông tự động chuyển sang quân đội Nam Việt Nam, lực lượng mà vào một ngày nào đó không còn do người Pháp đào tạo nữa, mà là người Mỹ.

Ông có năng lực, cần cù, chu đáo, tận tâm và thận trọng, người Mỹ dựa trên những đức tính đó, khi những cuộc tranh chấp trong số những "con ngựa háo đá" của quân đội Nam Việt Nam sau lúc lật đổ Diệm bắt đầu trở nên quá nhiều đối với họ. Ông tuy không phải là một Napoleon, họ nói khinh thường, nhưng là một mức trung bình tốt, tính chuyên nghiệp bền chắc đáng tin hơn là tính lờ phờ của "Big Minh", tính nhanh nhẩu của Khánh, sự to mồm của Kỳ, chỉ để kể ra một vài viên tướng trong số sáu mươi tướng lãnh mà Thiệu đã lạng lẽ vượt

qua mặt, lúc đầu còn là "chairman" của một chính quyền quân đội, cho tới khi ông bất thành linh được bầu làm tổng thống của nền cộng hòa năm 1967.



Quốc trưởng Thiệu và Thủ tướng Kỳ vào ngày 19/06/1966 (Ngày Quân lực Việt Nam Cộng Hòa)

Sau khi dọn vào Dinh Độc Lập, cái mà người Mỹ đã dùng hai triệu dollar để xây cho ông và ông đã cho rào chắn nó giống như một pháo đài, viên tướng lãnh thích ứng với những thói quen của giới thượng lưu. Rõ ràng là vợ ông có một bàn tay rất may mắn trong mua bán bất động sản. Ngược với những tin đồn và những điều cố tình vu khống, ông là người địa chủ giàu có nhất ở đồng bằng sông Cửu Long, có tài khoản và nhà cửa ở nước ngoài và mới đây muốn mang mười hai tấn vàng ra khỏi nước, ông quả quyết, hẳn là có nói giảm đi một chút, rằng ở Việt Nam ông chỉ có một ngôi nhà gỗ rêu tiền cạnh bờ sông, ngôi nhà nghèo nàn của cha mẹ và một nông trại nhỏ.

Những điểm yếu của Hiệp định

Thế nhưng việc người ta tin vào những câu chuyện đó, và trong mùa thu vừa rồi thậm chí còn gây ra bạo động trên đường phố Sài Gòn, đã hé lộ một ít sự tự cô lập mình trong xã hội của Thiệu. Ông chưa từng bao giờ là một lãnh tụ có sức lôi cuốn quần chúng; cả một thời gian dài, ông chỉ đọc diễn văn từ giấy, và diễn văn tốt nhất, gây xúc động nhiều nhất trong cuộc đời ông là bài diễn văn từ biệt, cái mang ông như một con người bằng xương bằng thịt đến gần với người dân của ông hơn, người khóc và cười, chửi rủa và "cắm thù". Sự toàn hảo quyền lực của ông còn vượt quá cả tổng thống Mỹ. Với 94,3 phần trăm tất cả số phiếu bầu (người ta không được phép mang kết quả này đặt lên cái cân vàng), ông tái đắc cử như là ứng cử viên duy nhất năm 1971; ông đã loại những người cạnh tranh khác ra khỏi cuộc đua bằng luật lệ hay đe dọa. Ông không để cho cả Thượng Viện lẫn Hạ Viện nói xen vào. Các dân biểu phần lớn đều phụ thuộc vào ông cũng như đạo quân sĩ quan và hạ sĩ quan và những người nhân

viên nhà nước cấp thấp, những người vẫn trung thành với ông cho tới giờ phút cuối cùng, vì họ đã gắn kết cuộc sống của họ với cuộc sống của ông – họ là những người đầu tiên phải chạy trốn Việt Cộng.

Những người Tự Do của Mỹ và cánh tả châu Âu dễ dàng lên án nền cộng hòa này, cái muốn thành một phần của thế giới tự do, là một nhà nước cảnh sát và phòng tra tấn và là nơi chốn tội lỗi, nhưng trong lúc đó thì tất nhiên cả hai đều thường mù một mắt: người này thì là bạn tốt với các đại tá phát xít, người kia thì với các nhà nước cộng sản bắt buộc. Những điều đó không hề hấn gì đối với Thiệu. Ông thậm chí còn quả quyết không nghi ngại, rằng nền dân chủ ở Việt Nam nói chung là chỉ bắt đầu với nhiệm kỳ tổng thống của ông.



Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đọc diễn văn trước lưỡng viện Quốc Hội ngày 17/12/72, cho biết ông từ chối hiệp định ngưng bắn như tình hình hiện lúc đó.

Ai có suy nghĩ về tiền sử và cấu trúc xã hội của đất nước này, thời gian thuộc địa dài và nền độc tài gia trưởng của Diệm và gia đình ông ta, các giáo phái chiến đấu chống nhau với quân đội riêng của họ, các viên tướng lãnh chuyên quyền ở các tỉnh và vùng chiến thuật, tập hợp của bảy mươi đảng và hiệp hội, và tất cả những điều đó trước bối cảnh của một cuộc chiến tranh ba mươi năm và nội chiến trong nội chiến (người Phật giáo chống người Công giáo, người Thượng chống người Việt) – ai nhìn được toàn cảnh đó đều phải ngạc nhiên rằng nói chung là vẫn còn có tự do báo chí ở Sài Gòn, và bao nhiêu đó bè phái chính khách, trí thức và linh mục phi cộng sản còn được phép tự do thoải mái phê phán chế độ tổng thống; nên nhớ là tất cả những việc đó xảy ra ở trong một cuộc chiến đấu một mắt một còn với một đối thủ không e ngại bất cứ biện pháp nào – từ giết người và hối lộ cho tới do thám và thâm nhập – để lật đổ "chế độ bù nhìn" mà họ căm ghét đó.

Tất nhiên, Thiệu không phải là một bù nhìn, mặc dù ông không thể nắm quyền đến một ngày mà không có dollar, vũ khí, đạn dược và xăng dầu từ Mỹ. Trong các hồ sơ của Lầu Năm Góc, người ta có thể đọc được rằng viên đại sứ Mỹ Taylor đã mắng mỏ giới tướng lĩnh Nam Việt Nam, trong số họ cũng có cả Kỳ và Thiệu, như một lớp học trò ra sao – những điều như thế không thể quên được. Thiệu đã phản đối cả một thời gian thật lâu và luôn tìm ra những lý do mới, khi Tổng thống Johnson, quá mệt mỏi vì cuộc chiến kéo dài và vì những cuộc nổi loạn trong các thành phố của đất nước ông, đã kéo Việt Cộng tới bàn đàm phán, mặc dù người Cộng sản Nam Việt Nam vừa bị thất trận đẫm máu trong đợt tấn công dịp Tết [Mậu Thân] mà họ không bao giờ hồi phục lại được kể từ đó.

Thiệu có thể ghi điểm cho mình, rằng ông đã tạo nên những giờ phút cay đắng nhất trong cuộc đời của Henry Kissinger, ông lang băm được nhiều người ngưỡng mộ. Đó là trong tháng Mười 1972, khi người Ngoại trưởng Hoa Kỳ sau những cuộc trao đổi bí mật của ông ta với người đàm phán Lê Đức Thọ và sau những thỏa thuận của ông với Moscow và Bắc Kinh ngay lập tức đã muốn đánh tráo Hiệp định Ngưng bắn Paris đó cho chính phủ Sài Gòn như là một thành công lớn. Với giọng nói nhỏ nhẹ và nụ cười nguy hiểm, Tổng thống Thiệu đã chỉ ra những điểm yếu của Hiệp định: định nghĩa mơ hồ của hội đồng hòa giải, cái mà ông với Việt Cộng và lực lượng thứ ba (yếu ớt một cách đáng thương) có nhiệm vụ phải cộng tác ở trong đó; việc công nhận một nhà nước cộng sản trên đất của Cộng Hòa Nam Việt Nam; sự hiện diện của 150.000 hay 300.000 lính Bắc Việt ở miền Nam, những người sau khi ngưng bắn cũng sẽ ở lại đó.

"Một câu hỏi sống còn"

Sự từ chối kiên quyết của Thiệu, ký tên vào một hiệp định xói mòn chủ quyền của Nam Việt Nam, đã làm đảo lộn toàn bộ kế hoạch thời gian của Kissinger. "Mẹ kiếp, thật ra hẳn nghĩ hẳn là ai kia chứ?" ông đã thốt ra như vậy sau một cuộc họp. Nhưng thậm chí cả lời đe dọa, Mỹ có thể ký kết một hòa bình riêng với Bắc Việt Nam và ngưng toàn bộ viện trợ quân sự và kinh tế cho Nam Việt Nam, cũng không mang lại kết quả nào. Còn hơn thế, Thiệu cố tình quay lưng lại người khách của ông và xem xét tấm bản đồ treo trên tường ở phía sau ông. Ông nói thẳng thừng với người ngoại trưởng: "Mất Việt Nam thậm chí có thể là tốt cho đất nước của các anh, tốt để ngăn chặn Trung Quốc, tốt cho chiến lược thế giới. Nhưng đối với chúng tôi thì đó không phải là câu hỏi của sự lựa chọn giữa Moscow và Bắc Kinh. Đối với chúng tôi đó là một câu hỏi của sự sống còn."

Vài tuần sau đó, khi Nixon cho rải những tấm thảm bom B-52 lên Hà Nội, tối hậu thư của Mỹ dành cho người đồng minh nhỏ bé của nó được lập lại, và lần này thì Thiệu buộc phải nhân nhượng. Ông vẫn còn lời bảo đảm của Kissinger và Nixon trong tai, rằng nếu Hiệp định bị vi phạm nghiêm trọng thì Hạm đội Bảy và không quân Mỹ ở Thái Lan sẽ là cái khiến cho người Nam Việt Nam. Thế nhưng ngay từ phút đầu tiên của lần ngưng bắn, ông đã bắt đầu dùng vũ lực để đẩy lùi người cộng sản ở bất cứ nơi nào ông có thể, để phòng ngừa trước. Cuộc chiến không bao giờ ngưng lại. Cả điều này cũng ít vì hai phe tranh chấp, muốn mở rộng lãnh thổ của họ cho cuộc xung đột chính trị được dự tính trước. Nó là một hậu quả từ tài ngoại giao bậc thầy của Kissinger thì nhiều hơn, cái đã bỏ qua việc tập trung lực lượng quân sự đối phương vào những vùng đất liền nhau theo gương mẫu của Hiệp định Genève 1954.

"Có việc gì, ông Thiệu?"

Thiệu có lẽ chưa từng bao giờ là một nhà chiến lược lớn. Nhưng người cầm quân này đồng thời cũng là một chính khách. Ông không muốn tự nguyện trao lại cho kẻ địch một tấc đất nào. Quyết tâm chiến đấu của ông cũng không thua gì của đối thủ. Thậm chí ông còn cho chiếm lại những đồng đồ nát của thành phố Quảng Trị, để xóa đi sự nhục nhã của một chiến bại. Giữa những đồng đồ nát đó, Thiệu quỳ xuống để cảm ơn Chúa của ông vì chiến thắng này. Chính trị gia Thiệu bắt buộc phải giữ một mặt trận kéo dài qua những khoảng cách khổng lồ, cái mà như là nhà quân sự thì ông đã phải bỏ nó từ lâu rồi, để đừng phân tán các sư đoàn của ông và tiêu hao vào trong những trận đánh vô nghĩa.



Tổng thống Thiệu này 20/09/1972 ở Quảng Trị

Bất cứ nhà cầm quân nào cũng cần sự may mắn. Một thời gian dài, may mắn đã trung thành với Thiệu, người đặt cược vào số chín như là con số mang lại may mắn. Nhưng rồi ông đã bị hết cú đánh này tới cú đánh khác; Nixon và nước Mỹ cường quốc thế giới cùng với ông ấy đã mất thanh danh qua xì-căng-đan Watergate; một cuộc khủng hoảng dầu hỏa và nguyên liệu đẩy Nam Việt Nam vào tình trạng lạm phát phi mã, cái về phần nó lại làm tăng cái xấu xa, sự tham nhũng; phe đối lập ở Sài Gòn lại ngẩng đầu dậy; Quốc Hội Mỹ cắt giảm viện trợ quân sự; người Bắc Việt và Việt Cộng lại tấn công với lực lượng mới. Rồi một quyết định sai lầm chiến lược trên cao nguyên Nam Việt Nam đã gây ra một phản ứng dây chuyền.

Thiệu phải nuốt xuống viên thuốc đắng, rằng hàng trăm ngàn người lính của ông không còn muốn chết cho chính quyền của ông nữa, một chính quyền mà ông thừa hưởng từ người Pháp và người Mỹ, cái chắc chắn là không đi kịp với thời đại, cái thua kém trật tự năng động-khắt khe của Việt Cộng một cách tuyệt vọng, nhưng là cái đã mang lại cho nhiều người dân của nó trong những năm nào đó phúc lành đáng ngờ nhưng đồng thời cũng dễ chịu của sự thịnh vượng Phương Tây và sự tự do Phương Tây. Bây giờ thì cả bạn bè của ông cũng quay lưng lại với ông – các tướng lãnh mà nhờ ông mới có quyền lực của họ, cuối cùng còn là giáo hội nữa. Một phi công trẻ tuổi, người mất cha mẹ của mình ở Đà Nẵng, đã ném bom xuống Dinh Độc Lập, đối với tất cả mọi người Việt là một điềm dữ, vì lần lật đổ Diệm cũng đã được báo trước với bom ném xuống dinh.

Khi người hoàng đế cuối cùng của Đông La Mã đến tìm các hoàng cung Tây Âu, để cầu xin giúp đỡ chống lại trận tấn công đang đe dọa Constantinopel, ông tuy gặp phải sự không thông hiểu và thờ ơ, thế nhưng ít nhất thì ông cũng còn nhận được sự thương hại của những người chủ nhà. Khi người tổng thống cuối cùng của Nam Việt Nam đi thăm Tây Âu, để xin trợ giúp về kinh tế cho đất nước kém phát triển của ông, công dân-tổng thống [Đức] Heinemann đã tiếp đón ông với thái độ căm giận và với những từ ngữ không thể nào quên được: "Có việc gì, ông Thiệu?"

Số phận của Thiệu là bị phàn lớn những người đương thời với ông hiểu lầm, đánh giá quá thấp hay bị lên án. Chỉ kẻ thù cộng sản của ông là mang lại sự công bằng cho ông, bằng cách là họ luôn luôn yêu cầu lật đổ ông. Thiệu là con đệp duy nhất giữa họ và chiến thắng của cách mạng. Không còn người kế thừa nào có thể thay thế được ông.

Phan Ba dịch từ: <http://www.zeit.de/1975/18/einst-musterknabe-heute-pruegelknabe/komplettansicht>

Những ngày cuối cùng ở Sài Gòn

Winfried Scharlau, báo *Die Zeit* (Thời Báo), số 19 năm 1975

Phan Ba dịch

Sài Gòn, cuối tháng Tư 1975

Sau một vài ngày lo âu và hoảng hốt, Sài Gòn lại có hy vọng vào ngày thứ Ba, rằng màn cuối đẫm máu của cuộc chiến, nhất đấm kết liễu vào thủ đô, là có thể tránh khỏi được.

Dù sao thì phe cộng sản cũng cố gắng khích lệ những người cho rằng đàm phán hòa bình là cần thiết và có nhiều triển vọng. Chính phủ Cách mạng Lâm thời đưa ra hai điều kiện cho đàm phán: một chính phủ mới ở Sài Gòn, đã dọn sạch những phần còn lại của nhóm Thiệu, tách rời khỏi sự lệ thuộc vào nước Mỹ; ngoài ra là người Mỹ phải rút quân, chấm dứt mọi viện trợ và từ bỏ không can thiệp quân sự. Người cộng sản giúp cho lời đe dọa này bằng cách họ tấn công phi trường Sài Gòn bằng máy bay phản lực và pháo binh. Ngay lập tức, Tổng thống mới Minh trực xuất những người lính Mỹ cuối cùng ra khỏi nước và để cho Tổng thống Ford di tản những người cuối cùng của ông.



Tổng thống Dương Văn Minh trong ngày 30 tháng Tư 1975. Hình: Françoise De Mulder/Roger Viollet/Getty Images

Ở người tổng thống mới tại Sài Gòn, Tướng "Big" Minh, một con người do dự và dân nghiệp dư chính trị, mà hình ảnh của ông khiến cho người ta nhớ tới tướng Hindenburg, thì nhiều người tin rằng đã nhận ra được người đàn ông có thể thành công trong việc trừ khử cuộc nội chiến, vì chính phủ cách mạng tin tưởng ông, và Hà Nội có thể quan tâm tới việc dàn dựng kịch bản của Hiệp định Paris với một chính quyền của Minh. Cuộc thủ tiêu nhà nước Nam

Việt Nam rồi sẽ nhận được một tính hợp pháp và đẩy lùi trận tổng tấn công quân sự ra phía sau; sự thay đổi quyền lực sẽ diễn ra dần dần và tránh cho người Nam Việt và công chúng thế giới cú sốc của một cuộc xâm chiến quốc gia.

Rõ ràng là Hà Nội đang hướng tới một cuộc đầu hàng từng phần, nhưng vẫn nắm lấy sự lựa chọn quân sự cho trường hợp Sài Gòn phung phí thời gian và không nhanh chóng đáp ứng các điều kiện đã được đưa ra.

Đứng trước thảm họa đang đe dọa thì thật ngạc nhiên khi có thể quan sát thấy rằng hậu đội của tổ chức Thiệu vẫn còn khăng khăng duy trì tính hợp hiến của một sự thay đổi quyền lực và của việc đặt Big Minh vào vị trí kế thừa Thiệu. Ông phó tổng thống trước đây, người đã gần như mù lòa, Trần Văn Hương, mà Thiệu vừa mới đây đã giao nhiệm vụ quản lý di sản của mình cho ông ấy, trong sự yếu đuối và không có khả năng nhận rõ được hiện thực, đã tượng trưng cho tình trạng nội bộ của Sài Gòn. Sự khăng khăng giữ đúng tính hợp pháp của lần thay đổi quyền lực khiến cho người ta nhớ tới những ngày cuối cùng của nước Áo trước lần sáp nhập năm 1938, khi Tổng thống Miklas chống lại áp lực của Quốc Xã, bổ nhiệm tên tay sai của họ là Seyß-Inquart làm thủ tướng liên bang. Hương cũng không thể đảo ngược được số phận như Miklas, vì hiến pháp gắn liền với hiện thực của quyền lực.

Nam Việt Nam đã phá sản, và với nhà nước thì hiến pháp chống cộng sản năm 1967 cũng sụp đổ. Không được phép có những cuộc đàm phán mà trong đó Nam Việt Nam xuất hiện như là người thua cuộc, Hương giải thích vào ngày thứ bảy vừa qua trước các thượng nghị sĩ có mặt. Di sản của Thiệu tin rằng vẫn còn có thể chơi bài tốt, nhưng ông không còn lá bài nào trong tay nữa. Ông buộc phải từ chức.



Photo © Dirck Halstead

Tổng thống Trần Văn Hương (giữa) ngày 27-4-1975 - một ngày trước khi trao quyền cho ông Dương Văn Minh

Tướng Minh chỉ có thể tránh được cho Sài Gòn số phận của Phnom Penh, khi ông công nhận chiến bại, chấp nhận các điều kiện của đối thủ và xóa bỏ những phần còn lại của chính quyền Thiệu, kể cả các cơ quan và tổ chức. Ông phải thực hiện ý muốn của phía bên kia, phải đóng một vai trò như Pétain, để ngăn ngừa những điều tồi tệ hơn, vì lợi ích của đất nước. Nhưng Minh có thể hoàn thành nhiệm vụ đó trong danh dự, vì ông đầu hàng trước những người đồng hương với ông. Ông tránh được sự nhục nhã, nhưng chiến bại thì không.

Liệu Sài Gòn có sử dụng cơ hội đầu hàng về chính trị trước khi nó bị xâm chiếm bằng quân sự hay không, điều này thì vẫn còn chưa có thể nhận ra được vào ngày thứ ba. Vào cuối tuần trước đây, tiếp theo cuộc tranh luận dường như vô tận trong Thượng Viện là một cuộc tấn công bằng hỏa tiễn vào nội thành, cái đã tăng tốc đáng kể cho quá trình nhận thức hiện thực. Và cũng không cần phải có nhiều trí tưởng tượng cho lắm để tiên đoán, rằng sẽ còn nhiều cuộc tấn công khủng bố tiếp theo đó nữa, nếu như cuộc tự tử tiêu của nhà nước Nam Việt Nam còn kéo dài.

Theo ý của đa số người dân Sài Gòn thì trận chiến đấu cuối cùng vì Sài Gòn cần phải được ngăn chặn. Vì thành phố sợ chiến tranh còn nhiều hơn là sợ chủ nghĩa cộng sản. Mặc dù vậy, số phận sắp tới, nhận được một chính quyền xã hội chủ nghĩa nghiêm khắc, chính quyền mà sớm muộn gì thì cũng sẽ phán xét về mối quan hệ của người dân với nhà nước trước đó và với người Mỹ, và sẽ có lần thanh toán đẫm máu, số phận đó đã mang người dân lại gần với sự hoảng loạn. Người ta quan sát thấy cử chỉ cắt ngang cổ ngày một nhiều hơn, khi người dân bàn về tương lai sắp tới đây.

Cha Than, một linh mục Công giáo được nhiều người biết, người rất am hiểu tâm trạng của người dân trong nước, kể từ lúc đó đã cố gắng tác động chống lại những tin đồn nhảm về các cuộc hành quyết ngắn gọn ở Huế và Đà Nẵng, bác bỏ chúng như là tuyên truyền vô căn cứ của CIA. Ông cố gắng mang lại hy vọng cho những người lắng nghe ông, rằng một chính quyền cộng sản ở miền Nam sẽ hành động tự do hơn và khoan dung hơn là chính quyền đó ở Bắc Việt Nam sau khi chiến thắng nước Pháp trong năm 1954. Cha Than muốn làm cho chính bản thân mình và cho những người theo ông tin rằng Nam Việt sẽ không trở thành đống tro mà chỉ là hồng. Qua đó, ông muốn có tác động trấn an tâm lý, cái giúp được cho tất cả mọi người, ngay cả khi sau này lộ ra rằng ông, cũng như nhiều lần trước đó, làm biến dạng hiện thực với những mong muốn ngoạn đạo.

Cuộc di tản và trốn chạy có tổ chức của những nhóm người nhất định đã góp phần đáng kể vào sự bất mãn, bất an và cay đắng của người dân. Ai nhận được một thị thực từ người Mỹ, người đó có cảm giác như mình được cứu thoát, ai ở lại thì có cảm giác như mình bị kết án và phó mặc, trong bất cứ trường hợp nào cũng đều là bị thiệt thòi và bỏ lại. Vì hầu như tất cả mọi người đều nhìn thấy mình trong một mối nguy hiểm chủ quan và vì vậy mà không muốn chấp nhận những điều kiện khách quan, nên cảm giác bị Hoa Kỳ phản bội và bán đứng đã tăng lên. Trong bài diễn văn từ chức của mình, Thiệu đã biểu lộ thật mạnh mẽ cảm xúc này và qua đó, trong con mắt của nhiều người Việt đã tạo cho ông một kết thúc đáng kính nể.

Cuộc chạy trốn có tổ chức của những người giàu có, của giới trung lưu và thượng lưu, còn tạo ra thêm nhiều chất nổ, cái mà có thể phát nổ vào bất cứ lúc nào. Người nghèo phải ở lại, có lẽ là phải trải qua trận đánh vì Sài Gòn và phải thích ứng với người cộng sản; người giàu, những

người đã hưởng lợi từ chính quyền Thiệu, có đủ khả năng để tự mang họ tới nơi an toàn và tự giải cứu mình ra khỏi trách nhiệm quốc gia. "Người giàu, phần lớn trong số đó là người Hoa", *Saigon Post* bình luận như vậy, "với những cái hộ chiếu được mua thật đắt giá, đã rời bỏ đất nước qua đường hàng không hay đã lén lên những con tàu thả neo ở Vũng Tàu, Rạch Giá hay những nơi cạnh bờ biển khác."



Những nhà báo nước ngoài cuối cùng đang rời Sài Gòn trên đường Hai Bà Trưng ngày 29 tháng Tư 1975. Hình: Herve GLOAGUEN/Gamma-Rapho via Getty Images.

Bộ trưởng Bộ Kinh tế Nguyen Van Hao cũng đã công khai ta thán việc mất mát bí quyết và tư bản thật to lớn, cái giống như "chảy máu" và phó mặc một Nam Việt Nam đã bị cướp mất nền tảng tri thức của nó cho một tương lai không chắc chắn. Mặc dù vậy, chính phủ vẫn không quyết định tiến hành những hành động quyết liệt. Vì cả bộ trưởng Hao, người ta cũng được phép phỏng đoán như vậy mà không hề có ý nói xấu, cũng sẽ rời con tàu đang chìm xuống, ngay khi ông nhận thấy tình hình khuyên ông nên làm việc đó.

Truyền thông tin tức chỉ còn để cập thoáng qua những vấn đề cốt lõi của đất nước, để gây hoảng loạn. Ở Sài Gòn, hầu như ai cũng đã có trải nghiệm sốc, rằng bạn bè, người quen hay láng giềng biến mất qua đêm. Báo chí chỉ có thể tự giới hạn họ ở các phỏng đoán. Cục đoan nhất là đài phát thanh Mỹ, hầu như không còn nhắc tới Nam Việt Nam trong phần tin tức được phát đi hàng giờ của nó. Cuộc di tản thậm chí còn chưa diễn ra trong các tin tức đó; lần thay thế trong Dinh Tổng thống đã bị phớt lờ, thay vào đó là một câu chuyện đồn đãi từ miền quê nước Mỹ. Mặc dù vậy, đài phát thanh vẫn giữ được thánh giá của nó. Vì có thể là vào phần cuối của phần tin tức, tín hiệu bí mật cho cuộc di tản khẩn cấp sẽ được phát ra. Không ai muốn bỏ lỡ nó.

Cho tới ngày thứ hai, khoảng 220 nhà báo đã cưỡng lại được sự cám dỗ, bay ra khỏi nước sớm hơn. Thế nhưng công việc của họ ngày một cực nhọc hơn vì những thiếu sót kỹ thuật tại các trạm radio và telex. Thậm chí những gói hàng vận tải nhanh bằng máy bay như phim cũng bị trì hoãn đáng kể, từ khi phần lớn các hãng hàng không không còn bay tới Sài Gòn nữa và giới báo chí hầu như chỉ còn có thể dựa vào dịch vụ của Air Vietnam.

Tất nhiên là nhiều người vẫn cho rằng câu chuyện còn chưa chấm dứt, nhiệm vụ báo chí vẫn chưa hoàn thành, khi Đại sứ quán Mỹ kêu gọi di tản. Ý nghĩ đó rất cám dỗ, rằng các sĩ quan Bắc Việt Nam sẽ đối xử với nhà báo nước ngoài khác với Khmer Đỏ - cám dỗ, nhưng không chứng minh được.

Phan Ba dịch từ: <http://www.zeit.de/1975/19/lauter-letzte-tage-in-saigon/komplettansicht>

Đông Dương: Vài giây trước mười hai giờ

Sốc vì những thành công quân sự của Việt Cộng và Khmer Đỏ, một mối vì Thượng Viện từ chối không cung cấp thêm vũ khí, lần đầu tiên dường như chính phủ Hoa Kỳ đã sẵn sàng để đàm phán về những giải pháp chính trị lâu dài. Thế nhưng cho một nền hòa bình không có đầu hàng thì lần nhượng bộ này đã đến quá muộn.

Bài diễn văn hết sức mạnh mẽ, nói về tự do và danh dự, nhưng trên thực tế thì đó là về vũ khí và tiền bạc: Tổng thống Mỹ Ford dùng giờ đầu tiên của buổi trao tặng bằng tiến sĩ danh dự của ông để cảnh báo thính giả của Đại học Notre Dame ở Indiana trước "sự biệt lập mới" của Mỹ.



Dân làng bỏ chạy khi người cộng sản tiến vào Dầu Tiếng, 19/03/1975. Hình: Bettmann/CORBIS

Rồi ông thề nguyện về trò chơi cũ kỹ của John Foster Dulles, thuyết domino: nếu như một con cờ domino Mỹ ngã xuống ở Đông Nam Á thì những con cờ khác cũng sẽ về tay quân Đỏ. Con cờ đầu tiên gần như là đã mất rồi: Campuchia.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Ford, Kissinger, quá bận rộn tại một phần đất khác của thế giới, không có khả năng phát triển một sự lựa chọn bình tĩnh và khả thi về mặt chính trị, đã dùng nắm đấm để trợ giúp. Người ta không được phép bỏ mặc cả một dân tộc, ông đập tay xuống bàn nói như vậy, một dân tộc mà "chúng ta đã cứu thoát chính những cái đầu của chúng ta ở Đông Dương bằng cách vũ trang cho họ."

Thế nhưng Quốc Hội ở Washington, trong vấn đề Đông Dương đã đi theo đường hướng chống lại Tổng thống và Lầu Năm Góc từ lâu, vẫn không lay chuyển.

Tuy cả những đại diện cho nhân dân cũng tìm thấy những lời nói đẹp đẽ: "Ở đó có một tiếng thét yêu cầu giúp đỡ trong màn đêm tối đen, tiếng thét mà chúng ta không được phép phớt lờ"

thượng nghị sĩ Jacob Javits, người của Đảng Cộng Hòa từ New York, nói như vậy. Thế nhưng khi đơn xin viện trợ 222 triệu dollar để mua vũ khí cho chính quyền Lon Nol đang bị dồn vào tình thế khó khăn được đưa ra để bỏ phiếu thì nó không nhận được đa số.

Đồng nghiệp của Javit trong Thượng Viện, người của Đảng Dân Chủ Frank Church từ Idaho, phát biểu điều mà theo các thăm dò ý kiến mới đây thì 78 phần trăm tất cả các người Mỹ đều cảm nhận như vậy: "Chúng ta đã vấy bao nhiêu máu như vậy trên những bàn tay của chúng ta ở ngoài đó. Tại sao chúng ta lại khát khao nhiều thêm nữa?"

Ngược lại, Tướng George Brown, người lính tối cao của Mỹ, thì lại lo ngại cho hình ảnh của nước Mỹ và đã tiên đoán ngay nhiều huyền thoại về con dao đâm sau lưng trong tương lai. Tiếng động của những cây kim hỏa Campuchia và Việt Nam, đập vào những cái ổ đạn trống rỗng, có thể một ngày nào đó sẽ trở thành một tiếng lách cách có thể nghe được trên khắp thế giới.

Đối với những quân đoàn đã kiệt quệ trong những đồng cỏ nát tại ngoại ô Phnom Penh hay cho vùng cao nguyên đầy vết đạn pháo ở miền Trung Việt Nam thì sự phản ánh như vậy không mang lại sự trợ giúp lẫn an ủi nào.

Những người lính Campuchia và Việt Nam, thêm vào đó là gần một triệu người tỵ nạn mới chỉ riêng ở Nam Việt Nam, đã phải trả giá bằng thân thể và tính mạng cho việc là đồng minh to lớn ở Washington, tại mỗi lần tấn công mới của quân Đỏ, chỉ biết nghĩ tới dollar và vũ khí, những cái chi tiếp tục cuộc giết người vô nghĩa và kéo dài cơn hấp hối của Đông Dương. Cũng ít giúp đỡ được cho họ là việc, rằng đa số người Mỹ hiện giờ đã nhận ra rằng không còn có thể bảo vệ thế giới tự do, thậm chí chỉ là tự do của Việt Nam và Campuchia, ở Mekong được nữa.

Ngay những người tấn công, ở Phnom Penh cũng như ở tại cố đô Huế của các hoàng đế Việt Nam, cũng tránh không mạo hiểm nhiều hơn là cần thiết. Tuần rồi họ đã phá vỡ được vòng đai bảo vệ trong thủ đô Campuchia – nhưng họ đã không lợi dụng thành công đó.

Ở phía Khmer Đỏ và Việt Cộng thì sau khi Hòa bình Paris thất bại đã không thiếu những cố gắng để rút ngắn cuộc chiến tranh rừng rậm đẫm máu, và thông qua đàm phán mà đạt tới một thỏa thuận tạm thời có thể được cả hai bên chấp nhận.

Cái giá mà nước Mỹ phải trả cho việc này, so với hiện thực quân sự ngày nay thì tương đối thấp: Hoa Kỳ, tự cho mình là quyền lực bảo vệ, phải từ bỏ các thống đốc do chính nó bổ nhiệm, Tướng Lon Nol ở Campuchia và tướng Thiệu ở Nam Việt Nam, để dọn đường cho cuộc đàm phán với các chính khách đáng tin hơn.

Không có khả năng giải quyết tình trạng tồi tệ về xã hội và kinh tế trong những đất nước bị chiến tranh phá hủy của họ, tất nhiên là cũng không nhìn thấy bất cứ sự lựa chọn chính trị nào khác với hiện thực không còn có thể chịu đựng được nữa, Thiệu và Lon Nol chỉ nhìn thấy cơ hội duy nhất của họ trong việc tiếp tục cuộc chiến một cách ngu ngốc – ngay cả khi chiến bại quân sự đã là một việc không thể tránh khỏi từ lâu rồi.

Hồi đầu năm nay, ngay trước khi quân đội của Việt Cộng và Hà Nội bắt đầu tấn công cao nguyên, chính phủ lâm thời của Việt Cộng đã đưa ra lời đề nghị: lật đổ ông tướng và thành lập một chính phủ mới là những điều kiện duy nhất cho "những cuộc đàm phán nhanh chóng".

Trong mùa thu 1973, Hoàng tử Sihanouk, đang cư ngụ lưu vong ở Bắc Kinh, đã đưa cho Washington một "lời đề nghị nghiêm túc và trang trọng" cho Campuchia: ngưng bắn và ra đi an toàn cho Lon Nol và các sĩ quan của ông ấy – ngay từ lúc đó, Khmer Đỏ đã chiếm được trên 80 phần trăm lãnh thổ.



Khieu Samphan và hoàng Tử Sihanouk

Ngay đến John Gunther Dean, đại sứ ở Phnom Penh, nổi tiếng với những câu khẩu hiệu kiên trì của ông ấy, trong mùa hè năm ngoái cũng đề nghị với Bộ Ngoại giao của ông một cuộc gặp gỡ bí mật giữa Kissinger và người sếp của lực lượng quân đội trong rừng rậm, Khieu Samphan, từ 1970 là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong chính phủ lưu vong của Sihanouk, tổng tham mưu trưởng và sếp đảng của Khmer Đỏ.

Tháng Mười một năm ngoái và lần cuối là trong tháng Hai, thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai là người khẩn thiết khuyên người Mỹ nên bỏ rơi Lon Nol và qua đó chuẩn bị một kết thúc cho cuộc chiến. Vào thời gian đó, Bắc Kinh đã cố gắng kiềm chế Khmer Đỏ bằng cách giới hạn cung cấp vũ khí, để đừng khiêu khích Washington với những thành công ngoạn mục ở mặt trận.

Thế nhưng Kissinger của Mỹ, bị vướng vào cuộc quản lý khủng hoảng cho những phần đất khác của Trái Đất, bận rộn với cuộc xung đột Cận Đông và với một giải pháp cho tới nay vẫn còn chưa có cho Cyprus, đã phớt lờ các dấu hiệu. Trong tuần vừa rồi, bây giờ thì đã quá muộn từ lâu, người đứng đầu ủy ban về Campuchia, thượng nghị sĩ Humphrey, đưa ra lời đề nghị thay thế Lon Nol bằng một ứng viên thỏa hiệp.

Nhưng không còn có cơ hội nào cho những sự lựa chọn khác về nhân sự theo ý muốn của Washington nữa. Cả viên tổng tham mưu mới do Lon Nol bổ nhiệm tuần vừa rồi, Tướng Saksuth Sakhan, người thay thế cho Tướng Sosthene Fernandez thất bại, cũng không thể ngăn chặn được trận đánh cuối cùng.

Nhiều lắm là Sakhan có thể làm giảm nhẹ bớt các điều kiện cho lần đầu hàng: ông chính là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng vào cuối những năm năm mươi, khi Khieu Samphan còn ngồi trong cùng chính phủ dưới quyền Sihanouk như là Bộ trưởng Bộ Thương mại.

Khieu Samphan là người duy nhất còn có thể thương lượng với Mỹ về Campuchia – như các nhà ngoại giao ở Sài Gòn nói, "vài giây trước mười hai giờ cũng là về một thỏa hiệp hợp lý" cho toàn Đông Dương.

Phan Ba dịch từ báo Der Spiegel số 13/1975 (24/03/1975):

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-41521232.html>

Đông Dương: Vài giây trước mười hai giờ (II)

Tiziano Terzani từ Sài Gòn

Kinh ngạc, cay đắng, sợ hãi, nhưng cũng cả hy vọng – Sài Gòn đã có phản ứng. Thành phố này đã học cách sống còn, phi cảm xúc, qua những năm trời của chiến thắng và chiến bại mà trong đó tất cả mọi điều dường như chỉ luôn là tạm thời. Nhưng bây giờ thì Sài Gòn cảm nhận được, rằng có một quyết định cuối cùng đang sắp sửa đến, không thể tránh khỏi.

Trong một tuần duy nhất, chính phủ Sài Gòn đã không chiến đấu mà mất hầu như nhiều lãnh thổ hơn là trong đợt tấn công lớn của Việt Cộng và Bắc Việt năm 1972. Bản đồ Nam Việt Nam đã biến đổi rất nhiều, những cái đốm da báo đã kết lại với nhau.

Trên đường rút lui, Thiệu đã tạo một "Việt Nam Cộng Hòa" mới, nhỏ hơn, gồm vùng châu thổ, thủ đô và một dải đất nhỏ ở cạnh bờ biển cho tới Đà Nẵng. Ông muốn cố thủ trong nước cộng hòa này, tổ chức chống cự lần cuối cùng. Các câu hỏi mà thành phố quan tâm tới: Có thương lượng giữa Hà Nội và Chính phủ Cách mạng Lâm thời hay không? Một trận tấn công vào Sài Gòn? Và người ta trích dẫn câu mật hiệu mà những người cộng sản thâm nhập vào thành phố lấy nó để nhận ra nhau: "Tập trung lực lượng như 68, đánh mạnh như 72, chiến thắng như Điện Biên Phủ."

Đứng trước kết cuộc mà người ta dự tính là cho tới tháng sáu, sự cay đắng về người Mỹ đã tăng lên. Trước đây ba ngày, một người lái xe gắn máy đã ném một quả bom vào một chiếc xe buýt Mỹ chạy ra phi trường Tân Sơn Nhất. Không ai tin rằng người đó là một Việt Cộng.

"Tại sao các anh bỏ mặc chúng tôi, tại sao?" những người tỵ nạn, chạy lánh nạn từ Tây Nguyên về bờ biển hàng trăm ngàn người, hét to hỏi các nhà báo.

Campuchia ở ngay bên cạnh. Không ai ngạc nhiên rằng người dân Sài Gòn lo sợ thành phố của họ sẽ trở thành một Phnom Penh thứ nhì. "Ở đây thì bao vây sẽ không kéo dài tới một tháng đâu", một kỹ sư nói. "Chúng tôi quá đông người, và người Mỹ sẽ không màng tới việc chúng tôi có chết đói hay không." Người Sài Gòn mua dự trữ gạo, cá khô, nhưng cũng cả bao cát nữa.

Sự im lặng của chính phủ, không chấp nhận thiệt hại của họ, chỉ làm cho người dân càng thêm nghi ngờ, chỉ để cho họ phỏng đoán càng thêm táo bạo về những gì đang xảy ra. "Tôi không thể suy nghĩ được nữa", một phụ nữ than phiền trên chợ, "tôi chỉ còn lo sợ thôi."

Ở đây, ai cũng có một người họ hàng đi lính, người mà đã tường thuật về lần rút lui hỗn loạn, vô tổ chức từ Pleiku và Quảng Trị. Ai cũng có một người bạn, người đã cố thoát ra khỏi Đà Lạt hay Huế, và để làm việc đó thì đã phải trả 300 dollar thay vì 9,50 dollar như thông thường (cho một chỗ ngồi ở "Air Vietnam").

Lần đầu tiên trong những thời khủng hoảng, người ta xì xào bàn tán như vậy, không có những tin đồn về đảo chánh được lan truyền đi: "Đủ là lý do để lo ngại", một người Mỹ nói.

Hoảng loạn vẫn còn chưa thống trị, nhưng thống trị là cảm giác, rằng thành phố này, như thế giới biết nó – với nỗi buồn rầu của nó, với niềm ảo tưởng rằng cuối cùng thì chiến tranh còn xa lắm –, bây giờ đã phải chịu số phận chìm đắm.

Trong khi người này thì đóng tàu, để thoát đi trên sông trong trường hợp khẩn cấp, thì những người khác đang cố gắng tưởng tượng ra tương lai. "Ông có nghĩ rằng người cộng sản sẽ cắt tóc tôi không?", một cô gái trẻ tuổi hỏi. Và một người thầy giáo trung học đã già nghi ngại nhìn quanh – viên cảnh sát ở góc đường xa xa có nghe ông nói hay không ? "Monsieur, lần này thì có lẽ rồi sẽ có hòa bình thật sự đấy."

Phan Ba dịch từ báo Der Spiegel số 13/1975 (24/03/1975):

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-41521233.html>

Đông Dương: Chúng ta đã không dự tính trước với điều này



Mất hai phần ba đất nước của ông, phân nửa số sư đoàn của ông và vật liệu chiến tranh có giá trị một tỉ dollar, chính phủ hoảng loạn và hàng triệu người chạy trốn, quốc gia của tổng thống Thiệu – mới đây còn là quyền lực quân sự mạnh nhất của Đông Nam Á – là như thế đó trong tuần vừa qua. Hoa Kỳ tuyên bố: "Đó không phải là cuộc chiến của chúng tôi."

Ở Hưng Long, một thị trấn buồn tẻ của tỉnh Chương Thiện trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, người nông dân kéo nhau hàng đoàn trở về nhà từ công việc đồng áng. Bất thành lính, họ bị lính Bắc Việt bao vây. Không ai thấy họ tới, súng nổ, những người lính Nam Việt ít ỏi của thị trấn nằm trong vũng máu của họ.

Trong cùng ngày đó, ngày 6 tháng Mười Hai 1974, cũng như Hưng Long, khoảng 40 tiền đồn của người Nam Việt Nam bị tràn ngập và những thị trấn trong vùng phía nam và phía tây Sài Gòn bị bắn phá, đã lâu rồi không dữ dội như vậy.

Mặc dù vậy, tin tức này không làm cho ai lo lắng. Báo chí thế giới tường thuật về Cyprus và về Cận Đông. Henry Kissinger, vừa mới trở về từ Viễn Đông, tập trung hoàn toàn vào công việc chuẩn bị cho lần xuất hiện trước các đồng minh NATO ở Bruxelles. Ngay cả Sài Gòn cũng xoa dịu: "Người cộng sản muốn giành quyền kiểm soát vụ thu hoạch", một phát ngôn viên quân sự nói. Mãi sau nhiều ngày, phát ngôn viên của chính phủ Hoa Kỳ Ron Nessen mới đưa ra một lời cảnh báo nhẹ nhàng cho Hà Nội: Hoa Kỳ theo dõi sát tình hình. "Hà Nội cần phải biết rằng những hành động quân sự đó hoàn toàn không dẫn tới đâu hết."

Chỉ trong vòng vài tuần, chúng đã dẫn tới lần sụp đổ về quân sự của "Việt Nam Cộng Hòa" – quốc gia ở Đông Dương đó mà ở đỉnh cao của lần tham chiến, người Mỹ đã cho 543.400 người lính chiến đấu cho sự tồn tại của nó và đã để cho trung úy Calley tiến hành những tội phạm chiến tranh của hắn; một cuộc chiến đã gây hại nặng nề không những cho sự giàu có của nước Mỹ mà cũng cho đạo đức chính trị của Mỹ, và đã lấy đi sinh mạng của trên 56.000 người Mỹ.

Và rồi khi người Mỹ rút lui trong danh dự, như họ nói, thì họ đã để lại lực lượng quân đội mạnh nhất Đông Nam Á: Thiệu, vệ tinh của Mỹ, có 1,1 triệu người cầm súng, được trang bị với thiết bị của Mỹ, được bảo vệ bởi một lực lượng không quân với trên 1300 máy bay và trực thăng, một trong những lực lượng lớn nhất của châu Á.

Chỉ trong vòng ba tuần, quốc gia giống như Sparta này đã sụp đổ, 6 trong số 13 sư đoàn của Thiệu tan rã, người đứng đầu quốc gia nhìn thấy vùng thống trị của mình bị giảm xuống hầu

như chỉ còn vùng đất của người thị trường Sài Gòn, có thể so sánh được với sự sụp đổ bất thành lình của nước Pháp năm 1940, đây bị kịch hơn thảm họa đến dần dần ở Campuchia mà người đứng đầu quốc gia Lon Nol đã bay trốn tránh đến Bali trong những ngày này, một kết quả của tinh thần chiến đấu vượt trội cũng như suy nghĩ chiến lược vượt trội.

Sau cuộc tấn công ở vùng châu thổ trong tháng Mười Hai, người Bắc Việt đầu tiên tấn công vào Phước Bình ở phía bắc của Sài Gòn. Khi Phước Bình thất thủ, ngay lập tức họ tiếp tục hướng sự chú ý của Sài Gòn về hướng Nam, nơi Sư đoàn 5 của họ tiến hành những cuộc tấn công lớn ở vùng phía bắc của khu đồng bằng. Họ chiếm gần 2000 cứ điểm trong số 3000 cứ điểm của Sài Gòn trong vùng châu thổ.



Ba người lính Nam Việt Nam bị thương chạy thoát khỏi tỉnh lỵ Phước Bình đã thất thủ. Họ thuộc trong số hơn 26.000 người đã bỏ chạy sau khi Phước Bình thất thủ. Nhiều người đã kể lại những câu chuyện thương tâm về những cuộc phục kích dọc con đường trốn thoát của họ (AP Wirephoto)

Đầu tháng Ba, họ lại tiếp tục tấn công ở vùng cao nguyên phía đông bắc của Sài Gòn. Vào thời điểm này, công binh của họ đã hoàn thành một mạng lưới đường tiếp tế. Đặc biệt là một con đường trải nhựa xuyên qua rừng rậm đã được hoàn thành, tạo khả năng bao vây trên diện rộng các thành phố quan trọng về mặt chiến lược Pleiku và Kontom. Bây giờ thì những người lính Hà Nội tấn công có kế hoạch vào những con đường tiếp tế của người Nam Việt Nam và đặc biệt là cắt con đường 14 chạy theo hướng bắc-nam ở nội địa.

Rồi khi thành phố Ban Mê Thuật thất thủ, Thiệu ra lệnh rút lui – bây giờ thì đã xuất hiện những cảnh tan rã đầu tiên: các đơn vị đồn trú và thường dân hoảng sợ chạy từ Pleiku và Kontum về phía bờ biển, nơi mà Sài Gòn chỉ kiểm soát một dãy đất hẹp hầu như không thể

giữ vững về mặt quân sự được nữa. Các thành công nhanh chóng này cũng gây ngạc nhiên cho cả Hà Nội. "Chúng tôi", Đại úy Trang To, thành viên của Ủy ban Quân sự Bắc Việt ở Sài Gòn, thừa nhận, "đã không dự tính trước với việc này. Bây giờ thì chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ đứng ở Huế."

Họ đứng trong cố đô ở phía bắc, trung tâm lịch sử và văn hóa của đất nước, hẳn là còn sớm hơn cả hy vọng. Vì bây giờ, theo các cố vấn Mỹ ở Sài Gòn, "Thiệu đã phát điên rồi". Trong cố gắng xây dựng chiến tuyến có khả năng phòng thủ, người đứng đầu nhà nước đã bỏ cả hai tỉnh cực bắc cộng cả Huế mà không chống cự.

Ngay trước đó nhiều tuần, Thiệu đã rút hàng ngàn người của các lực lượng tinh nhuệ ra khỏi thành phố, được cho là để chuẩn bị tốt hơn cho một cuộc tấn công bất ngờ của cộng sản vào Sài Gòn. Thật sự thì, ngay cả những người thân cận của tổng thống cũng nói như vậy, những đơn vị này có nhiệm vụ giúp ngăn ngừa một cuộc đảo chánh từ các đối thủ chính trị của ông.

Lệnh rút lui của Thiệu đã làm lung lay tất cả. Trong lúc bỏ chạy hỗn loạn, những người lính chạy về cảng biển, để có được một chỗ trên một con tàu, quần vũ khí và quần áo trên đường đi, lao xuống biển và bơi ra tới những chiếc sà lan và tàu thuyền có nhiệm vụ mang họ về Đà Nẵng.



Đà Nẵng, di tản bằng máy bay ngày 25 tháng Ba 1975

Rơi vào tay người Bắc Việt và các đơn vị Việt Cộng tiến quân kế tiếp theo đó là máy bay, hàng trăm xe tăng và đại bác cũng như hàng ngàn tấn đạn – vật liệu chiến tranh có giá trị trên một tỉ dollar. "Đó là", nhà báo người Mỹ Kim Willenson tường thuật, "Dunkerque của Nam Việt Nam – chỉ là không một ai thề rằng sẽ quay trở lại Huế."

Ở Đà Nẵng thì còn tồi tệ hơn nữa. Ít nhất là nửa triệu người tỵ nạn từ Huế và các tỉnh lân cận, 500.000 cư dân và trên 100.000 người lính giành nhau chỗ trên một vài chiếc tàu tỵ nạn và máy bay do người Mỹ đưa ra, những chiếc máy bay mà vẫn còn dám đáp xuống đường băng khi nó đã lọt vào tầm vũ khí của Bắc Việt.

Trong cơn hoảng loạn, những người lính đã tàn sát thường dân để tự cứu lấy chính mình. Nhiều người leo lên các khoang chứa bánh xe, nơi họ bị các bộ phận hạ cánh chặt ra thành nhiều khúc khi chúng rút vào thân máy bay.

Giám đốc người Philippine của công ty chuyên cho thuê máy bay "World Airways" tường thuật lại việc một người lính dùng tiểu liên bắn chết cả một gia đình ra sao, để chính ông ấy bước vào chiếc máy bay cuối cùng rời Đà Nẵng. Khi cánh cửa của chiếc Boeing 727 đóng lại,

những chiếc thông thường chở cho tới 189 hành khách, thì có trên 300 người trên máy bay – ngoại trừ ba người phụ nữ thì tất cả đều là lính.

Người Mỹ bị nhổ nước bọt và ném đá

Cả ở cảng biển cũng có đánh nhau để sống còn, nơi những người lính giật trẻ em ra khỏi vòng tay của mẹ chúng, để, được cho là người cứu thoát, giành một chỗ trên tàu. Những người khác giết dân thường và cướp tài sản của họ, để có thể đưa tiền đi tàu cho các thuyền viên.

Tổng cộng có khoảng 50.000 người tỵ nạn thoát được khi Đà Nẵng rơi vào tay người Bắc Việt vào Chúa Nhật Phục Sinh. Cuộc tiến quân của người Bắc Việt tiếp tục diễn ra không gì ngăn chặn lại được. Cho tới thứ sáu tuần rồi, người cộng sản đã chiếm các thành phố biển Qui Nhơn, Tuy Hòa và Nha Trang nằm ở phía nam của Đà Nẵng và đứng cách thủ đô còn chưa tới 100 kilômét.

Về quân sự thì chiến bại này dễ giải thích. Ngay từ lúc Phước Bình thất thủ thì một điểm yếu mang tính quyết định đã lộ ra, cái mà sau này đã trở thành tai họa cho người Nam Việt: quân đội Sài Gòn chỉ còn tiến hành chiến tranh theo kiểu Mỹ, sử dụng một lượng vật liệu khổng lồ. Cũng như những người thầy Mỹ của họ, họ chỉ thích chiến đấu dọc theo những con đường đã được trải nhựa, không thể thiếu được cho việc vận tải quân lính và tiếp tế - ít nhất là cho tới chừng nào mà còn cái gì đó để chuyên chở. Nhưng vật liệu của Sài Gòn không đủ cho một cuộc chiến kéo dài kiểu Mỹ.

Quân đội của Hà Nội, về kỹ thuật cũng được trang bị vũ khí ngang tầm, thực hành tính cơ động trên đất bằng. Họ chiếu bí hàng sư đoàn Nam Việt Nam, bằng cách đơn giản là cắt đứt các quốc lộ tại những địa điểm nhất định. Hỏa tiễn SAM của Xô viết đẩy lui không quân của Sài Gòn trong lúc đó.

Vì tính cơ động cao hơn nên các đơn vị Bắc Việt Nam thành công trong việc ép buộc quân đội Sài Gòn phải đồng thời chiến đấu tại những điểm nằm cách rất xa nhau trên một mặt trận dài hơn một ngàn ki-lô-mét, để chia nhỏ lực lượng của họ và buộc họ phải rút lui. "Nhưng một cuộc rút lui có trật tự", một viên tướng Mỹ nói, "là một trong những cuộc hành quân khó khăn nhất. Và chúng ta đã không truyền đạt lại cho họ điều đó – tức là họ không có khả năng làm điều đó."

Trong khi hiện giờ còn chưa rõ, rằng lúc nào thì Việt Nam sẽ tìm thấy lần kết thúc sự tồn tại như là quốc gia sau trận Dunkerque này của họ, thì người Mỹ đã bị chữa rửa công khai như là những người "phản bội" trên đường phố của thủ đô, thậm chí còn hay bị nhổ nước bọt hay bị ném đá nữa.

Washington ngạc nhiên trước những oán giận như vậy. "Đó", Ron Nessen, phát ngôn viên báo chí của Nhà Trắng tuyên bố, "không phải là cuộc chiến của chúng tôi."

Nó lúc nào cũng đã là như vậy rồi, chắc chắn là khi lính Mỹ còn chiến đấu ở Việt Nam, nhưng mà cũng cả khi họ bỏ lại người Việt một mình dưới cái nhãn hiệu lừa dối "Việt Nam hóa". Chỉ là: trong hai năm vừa qua, người Mỹ – cũng như nói chung là Phương Tây – đã quan tâm tới lạm phát, khủng hoảng năng lượng và nghi ngờ tương lai của xã hội thịnh vượng nhiều hơn là cuộc chiến được cho rằng đã giảm xuống ở Viễn Đông. Thêm vào đó, các tổng thống

Nixon và Ford cũng như Kissinger của hai người đã bảo đảm trước người dân của họ hàng chục lần, rằng lúc rút ra khỏi Đông Dương, nước Mỹ đã để lại một quân đội Nam Việt rất hùng mạnh. Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn Graham Martin rõ ràng là cũng vẫn còn tin như vậy sau khi Phước Bình thất thủ: "Quân đội Nam Việt Nam cũng sẽ một mình đương đầu được với một trận tấn công mới."



Đà Nẵng ngày 28 tháng Ba 1975. Người Việt sống sót đang chờ viện trợ đã bị cắt đứt bởi đạn pháo của người Cộng sản. Trong khi một số người đứng chờ kiên nhẫn, thì những người khác đã bắt đầu hoảng loạn trong một sự khủng khiếp của cướp bóc và hỏa hoạn. (Jack Cahill/Toronto Star via Getty Images)

Thật sự thì sự giúp đỡ chỉ có thể đến từ người Mỹ – tất nhiên là chỉ trong trường hợp Washington sẵn sàng để cho ném ngược trở lại 15 năm trong cái mê cung chính trị của chính sách Việt Nam của họ, và bắt đầu lại từ đầu.

Thế nhưng cả Ford lẫn Kissinger đều không hề nghĩ đến việc đó, nói chi đến Quốc Hội Washington. Vào ngày 28 tháng Giêng, hai năm và một ngày sau khi ký kết Hiệp định Paris, khi Gerald Ford yêu cầu Quốc Hội thông qua số tiền viện trợ thêm cho Nam Việt Nam và Campuchia là 522 triệu dollar, ông quả quyết rằng; "Với sự trợ giúp vật chất thích đáng từ Hoa Kỳ, họ có thể giữ vững được." Nhưng khó có khả năng là ông tin vào điều đó: Đã không thể chiến thắng được cuộc Chiến tranh Việt Nam với tròn 140 tỉ dollar – thì làm sao mà nửa tỉ nữa có thể làm được việc đó?

Vì "nền hòa bình đầy danh dự" của Nixon bây giờ bị lộ trần ra trước con mắt của thế giới như là một sự lừa dối hay tự lừa dối, nên chính phủ Hoa Kỳ chỉ còn muốn đẩy trách nhiệm cho việc sập mất Nam Việt Nam và Campuchia sang cho Quốc Hội, đang bị áp đảo bởi phe Dân chủ đối lập. Henry Kissinger: "Cho tới tháng Sáu vừa rồi, tình hình quân sự ở Việt Nam là rất

tốt. Rồi chúng ta (bị Quốc Hội) ép buộc phải cắt giảm – đã không thể gởi thêm trang thiết bị mới và gởi đủ đạn dược. Điều đó dẫn tới ... việc là tình hình quân sự đã xấu đi."

Đông Dương, vùng đất mà nước Mỹ đã từng muốn cứu thoát nó khỏi chủ nghĩa cộng sản, Đông Dương, thảm họa lịch sử của cường quốc Hoa Kỳ, thật sự là đã trở thành một chú thích của lịch sử, như Kissinger đã tiên đoán một cách cay độc, trở thành một chức năng của chính trị đối nội của Mỹ.

Người Dân chủ ở Washington từ chối không tiếp tục trả tiền. Như thượng nghị sĩ Robert Byrd đã tuyên bố trước, ông chỉ chấp thuận thêm một hỗ trợ tài chính nữa cho Nam Việt Nam, "khi chúng ta nhận lời bảo đảm của Chúa, được khắc lại trên đá, rằng sự việc sẽ xong với 300 triệu dollar và qua đó Nam Việt Nam được cứu thoát mãi mãi."

Cũng hoài công vô ích là một nỗ lực thứ hai của chính phủ, lần này thì dựa trên tình hình quân sự đã xấu đi tới mức thảm họa ở Campuchia, và nhắm tới niềm tự hào của người Mỹ, rằng mình là người Mỹ. "Tiếng động của những cây kim hỏa Campuchia và Việt Nam, đập vào những cái ổ đạn trống rỗng" sếp chiến lược của Mỹ tiên đoán, "một ngày nào đó có thể sẽ trở thành một tiếng lách cách có thể nghe được trên khắp thế giới."

Cuối cùng, Gerald Ford đề nghị rằng nếu Quốc Hội cho phép ông tự do hành động thì ông sẽ cam kết rằng sau ba năm, ông sẽ chấm dứt mọi yêu cầu cho Đông Dương. Thế nhưng các nghị sĩ đã tính toán rằng trong vòng ba năm đó, nước Mỹ phải cần ít nhất là 5,5 tỉ dollar, và tổng tham mưu trưởng quân đội giải thích thêm vào đó, sự giúp đỡ của Mỹ hẳn sẽ còn cần thiết trong thời gian từ 5 tới mười năm. Trong phái Dân chủ của Hạ viện, viện trợ cho Campuchia thất bại với 189 trên 49 phiếu, ở Thượng viện kết quả là 38 trên 5 chống viện trợ cho Campuchia và 34 trên 6 chống lại một viện trợ cho Việt Nam.

Vào thời điểm này, như "New York Times" tiết lộ, thì chính phủ coi như đã mất Campuchia rồi, họ chỉ muốn giữ thể diện của họ, nhưng dự đoán rằng ở Việt Nam "theo tình hình ... thì 1976 mới là năm của đợt tấn công lớn", theo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Schlesinger, khi mà đợt tấn công lớn đã bắt đầu rồi.

Cuộc chiến hầu như đã bị lãng quên của Mỹ bắt đầu quay trở lại những căn phòng khách của Mỹ. Hàng ngàn cái chết có màu, những đoàn người tỵ nạn vô tận, trẻ em chết khát, chém giết vì một chỗ di tản trong chiếc máy bay hay máy bay trực thăng, lính đào ngũ, cướp bóc – đó là những hình ảnh đáng sợ, nhưng cũng quen thuộc. Không phải là người ta đã từng có lần, nhiều lần nhìn tất cả những thứ đó rồi sao?

"Một tấn bi kịch to lớn của con người"

Nhưng lần này là khác. Vì lần này thì nước Mỹ không có mặt bằng xương bằng thịt ở đó, không có lính Mỹ nằm dưới đạn pháo của cộng sản, người dân Mỹ có thể nói là ngồi ghế hàng đầu trong nhà hát – tuy xấu hổ, đầy lòng thương hại nhưng mà cũng không quan tâm tới.

Dù điều đó là đúng và bất di bất dịch cho tới đâu, rằng Washington thậm chí còn không cần nhắc một lần tham chiến mới ở Đông Á, thì thái độ đó vẫn thật là tai hại, thái độ mà Hoa Kỳ bộc lộ ra trong màn cuối cuộc chiến của họ. Chính phủ thì ẩn nấp nhiều ngày qua, rồi chi mười triệu dollar cho một cầu di tản đường hàng không và gửi Tham mưu trưởng Lục quân

Weyand sang Việt Nam, vì ông – theo phát ngôn viên của Ford – có "quan hệ tốt" với Tổng thống Thiệu của Nam Việt Nam.

Rồi Tổng thống của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ để cho tuyên bố rằng việc Đà Nẵng thất thủ là "một tấn bi kịch khổng lồ của con người, gây bất an sâu sắc cho toàn thể nhân loại văn minh" – lời nói của người chống cộng sản Ford, cái mà lại có quy mô quá lớn lao. Ngoài ra thì ông tổng thống chơi gold ở California và cười to chạy trốn các phóng viên muốn ông phát biểu về tình hình ở Đông Dương: "Không, không, điều đó thì không."

Trong lúc đó, một trong những người tài giỏi nhất và lãnh tụ có nhiều ảnh hưởng nhất của phe đối lập trung lập, Giáo sư xã hội học Ton That Thien, tổng kết cho người Mỹ hay cho một người Mỹ: "Bây giờ thì chúng tôi phải hứng chịu hậu quả của những gì mà Kissinger đã gây ra cho chúng tôi ở Paris." Và: "Đó là kết quả của cái được gọi là hòa bình đầy danh dự."

Trong khi đó thì với Hiệp định Paris cho Việt Nam, Henry Kissinger chỉ nắm lấy một cơ hội muộn màng cho nước Mỹ để rời bỏ lần tham chiến phi lý của nó ở Đông Á, chắc chắn không phải như là người chiến thắng và không phải là không mất thể diện, nhưng mà vẫn còn có thể dùng để cho hàng triệu người Mỹ ở quê hương và thế giới còn lại kết tội chính phủ ở Washington là đào ngũ.

Các tính toán thống kê cho một cấu trúc táo bạo của một mặt tiền – mặc cho tất cả – đầy ấn tượng dường như thật sự là đã thành công: Moscow, Bắc Kinh, Hà Nội, Phương Đông cũng như Phương Tây và Thế giới Thứ Ba, phản động cũng như tiến bộ, bạn bè của nước Mỹ cũng như những kẻ thù ác liệt nhất của nó cũng đều nhìn thấy một "cơ hội của hòa bình" sau lần ký kết hiệp định ngưng bắn ở Paris vào ngày 27 tháng Giêng 1973. Việt Nam cho người Việt Nam và qua đó phò mặc đất nước đầy vết bom đạn đó lại cho chính nó – và đây dường như là cốt lõi của hiệp định bốn bên này – là lối thoát tốt nhất cho thế giới đã mệt mỏi vì Việt Nam.

Tâm trạng này đúng là cái mà Henry Kissinger đã phỏng đoán trước, không gì nhiều hơn nữa. Ông muốn tạo cho nước Mỹ, bị chia rẽ thật sâu vì Việt Nam, một cuộc rút lui danh dự, một "pace with honer" – nhìn về chính trị thì hẳn là cái tối thiểu mà một cường quốc thế giới có thể đòi hỏi. Không màn kịch nào khác trong nội các, một phần táo bạo, một phần tầm thường, luôn luôn được lập nên trong bí mật và được bố trí như là một màn biểu diễn chính trị, mà Super-Henry lại thành công được như vậy – và vẫn thất bại hoàn toàn.

Kissinger đưa ra cho Tổng thống Nixon, người trong lúc tranh cử đã hứa hẹn sẽ mang người Mỹ "trở về nhà càng nhanh càng tốt", một sự lựa chọn khác của lập luận kiên nhẫn từ Lầu Năm Góc: Sau khi Hoa Kỳ đã tham gia vào cuộc Chiến tranh Việt Nam nhiều tới như vậy thì chỉ có thể ép buộc đi đến kết thúc bằng nhiều quân đội hơn nữa.

Đề nghị của Kissinger: các cuộc đàm phán hòa bình mà cho tới lúc đó hoàn toàn không có thành công nào giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt ở Paris cần phải được mở rộng ra. Nước Mỹ và Bắc Việt Nam, cả hai trên thực tế là các đồng minh chiến đấu, cần phải thương lượng về việc kết thúc cuộc chiến, chính phủ Sài Gòn và chính phủ lâm thời của Việt Cộng về một giải pháp chính trị sau khi ngừng bắn. Qua đó, trách nhiệm bây giờ thuộc về chính phủ Thiệu và chính phủ Việt Cộng, các chính phủ mà cho tới nay xem như đối phương không tồn tại.

Nhưng điều quan trọng cho Hoa Kỳ ở Paris là: Từ lúc ngưng bắn, rút quân cho tới lần thử nghiệm các thỏa thuận chính trị – tạo một "Hội đồng Hòa giải Quốc gia" dưới sự tham gia của người cộng sản và trung lập, bầu cử tự do và cuối cùng là bổ nhiệm một chính phủ mới ở Sài Gòn – dường như là một khoảng thời gian dài mà nước Mỹ cần nó như là một "thời hạn khoan hồng" cho cuộc rút quân của mình.

Việc giải pháp phức tạp này, chỉ được bảo đảm duy nhất qua thiện chí, cũng có thể thất bại, việc này thì nhà tư tưởng Harvard cũng đã dự tính đến ngay từ đầu. Ngay từ năm 1979, Kissinger đã nói với SPIEGEL: Đó chỉ còn là việc kéo dài thời gian giữa lần rút quân của Mỹ và lần sụp đổ của Nam Việt Nam để Washington không phải gánh chịu lần sụp đổ đó.

Điều này nghe có vẻ cay độc, nhưng chỉ chứng tỏ sự thừa nhận tính không thể tránh khỏi của sự phát triển: rằng Nam Việt sẽ trở thành cộng sản và thống nhất với miền Bắc, đó là điều mà các nhà lập kế hoạch ở trong Nhà Trắng cũng biết rõ. Nhưng Kissinger, sau này cả Nixon, đã nghĩ tới một cái gì đó giống như Giải pháp Praha 1948 nhiều hơn: nghĩ tới một mặt trận nhân dân mà trong đó cuối cùng – kéo dài càng lâu càng tốt – thì người cộng sản cũng sẽ chiến thắng và nhờ một cuộc đảo chính mà giành lấy quyền lực, thế nào đi nữa thì cũng không đổ máu và được xem là "việc nội bộ" – tuy Hoa Kỳ rất lấy làm đáng tiếc, nhưng không ngăn chặn lẫn ủng hộ. Và một cơ hội như vậy thật sự là đã tồn tại: rằng Nam Việt Nam, không cần có thế, hàng trăm ngàn người chết và tàn phế, không có hàng triệu người tỵ nạn mới và cũng không có một thảm bại cho chính sách đối ngoại của Mỹ, có thể tìm thấy một trật tự chính trị có thể chịu đựng được.

"Người thầy nghiêm khắc trong ngoại giao và cứng rắn"

Vì vào lúc ban đầu, dường như các toan tính của Kissinger đã từ bỏ một "decent interval": Bắc Việt Nam, sau khi đợt tấn công dịp Phục Sinh 1972 thất bại, lại thêm kiệt quệ vì những cuộc ném bom liên tục của Không quân Mỹ, đang hết sức cần tới một lần ngưng bắn.

Những nhà cung cấp vũ khí của miền Bắc, Liên bang Xô viết và Trung Quốc, thế nào đi nữa thì cũng cuộc xung đột đầy nghi kỵ vì ảnh hưởng tới Hà Nội và Đông Dương còn lại, dường như cảm thấy triển vọng bình thường hóa quan hệ của họ với cường quốc Hoa Kỳ là hấp dẫn.

Chỉ như thế mới có thể hiểu được, rằng chiến lược của Kissinger, một ông thầy nghiêm khắc trong "ngoại giao và cứng rắn" đã lạnh lặn vượt qua được các chuẩn bị cho Paris: Tổng thống Hoa Kỳ có thể để cho quân đội Mỹ hành quân sang Campuchia và cuối 1972 lại cho ném bom miền Bắc Việt Nam mười hai ngày mà Hà Nội không hủy bỏ các cuộc đàm phán, và Moscow và Bắc Kinh không gây khó khăn đáng kể.

Để có hòa bình nhanh hơn, người tổng thống đã cho tiến hành chiến tranh nhiều hơn – lúc đó, không ai trong Nhà Trắng chống lại lô-gíc này của Kissinger. Sáu tuần sau khi tái ném bom Bắc Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ Rogers và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bắc Việt Nguyễn Duy Trinh ký một hiệp định tương ứng với văn bản đã được đàm phán xong trong tháng Mười 1972, cái mà Bắc Việt Nam đã chấp thuận.

Thật sự thì nhà đàm phán Kissinger cần lần gián đoạn ôn áo này, vì ông đã tính toán sai lầm tại một điểm trong cấu trúc hòa bình của ông: Thiệu, người đứng đầu quốc gia Nam Việt

Nam, mãi trong giờ cuối cùng trước lần ngưng bắn đã được chuẩn bị trước cho ngày 17 tháng Mười mới được Kissinger thông tin, không chơi cùng.

Không có khả năng đối phó được với những chống đối bất ngờ của chiến thuật gia khôn ngoan Thiệu, nhưng hẳn cũng là biết mình có lỗi, vì Thiệu đã chứng minh cho ông thấy những điều không chính xác nào đó trong phần văn kiện ràng buộc đối với Nam Việt Nam, người sau này nhận giải thưởng hòa bình chỉ còn nghĩ tới bom đạn, để tạo không gian cần thiết cho những cuộc đàm phán bổ sung.

Khi đối tác đàm phán của Kissinger, thành viên Bộ Chính trị Lê Đức Thọ, đàn giữa chặn xuống Moscow trên đường trở về, sếp Đảng Brezhnev đã khen ngợi hòa bình của Kissinger: "Ví dụ này cho thấy rằng người ta cũng có thể tìm thấy một giải pháp hòa bình và công bằng cho những tình huống xung đột khác – nhất là ở Cận Đông." Cả Bắc Kinh cũng nhìn thấy "một đóng góp to lớn để làm giảm bớt căng thẳng".

Hàng tỉ dollar, ngay cả sau khi rút quân

Người Mỹ đã ném 7,1 triệu tấn bom xuống Việt Nam, gấp 3,5 lần lượng bom rơi từ trên trời xuống trong Đệ nhị Thế chiến. Một triệu người Việt chết, sáu triệu người mất quê hương và phải chạy trốn trước các chiến tuyến, hơn một phần tư rừng nhiệt đới bị bom và đạn pháo xé nát và bị phá hủy nhiều năm trời bởi những chất độc làm rụng lá cây.



Ngày 30-4-1972 Bắc Việt mở cuộc tổng tấn công mùa xuân vượt qua vùng phi quân sự và sông Bến Hải. Sau 5 tháng giao tranh ác liệt, quân BV đã chiếm được vùng phía bắc sông Thạch Hãn thuộc tỉnh Quảng Trị. Giới tuyến tạm thời giữa hai miền Nam Bắc từ đây không còn là sông Bến Hải, mà là con sông Thạch Hãn này. Sau khi Hiệp định Paris được ký kết ngày 27-1-1973, nhiều tù binh của phía BV đã được Nam Việt trao trả qua con sông này.

Ngay cả ở Nam Việt Nam, đất nước mà người Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh trong rừng rậm vì nó, những cuộc ném bom trên diện rộng của máy bay Mỹ đã phá hủy 12 phần trăm diện tích canh tác; ở miền Bắc thù địch, gần một nửa làng mạc đã cháy tiêu.

Câu hỏi về ý nghĩa của cuộc chiến tranh đã thất bại này, hỏi về người có lỗi cho cuộc Thập Tự Chinh ý thức hệ này, mà theo đó người ta cho rằng tự do của thế giới được bảo vệ ở Mekong, bị chết ngạt trong tiếng reo hò chào mừng các tù binh Mỹ trở về quê hương – và trước những câu khẩu hiệu vẫn còn đầy khí phách về tổ quốc thì mối quan tâm đó cũng biến mất, rằng liệu đó có thật sự là kết cuộc của chuyến phiêu lưu Đông Dương hay không.

Vì người đóng thuế ở Mỹ vẫn còn phải trả tiền cho cái được cho là cuộc chiến tranh đã được Việt Nam hóa: trong những năm 1973-1974, chỉ riêng Nam Việt Nam đã nhận được 3,9 tỉ dollar viện trợ quân sự và kinh tế (Bắc Việt Nam trong cùng thời gian đó nhận được từ Moscow và Bắc Kinh 1,5 tỉ dollar).

Và 9000 cố vấn Mỹ vẫn còn tổ chức ở Việt Nam cỗ máy chiến tranh của Nam Việt Nam, những người mà vì các điều kiện của lần ngưng bắn nên thời gian sau này phải cải trang thành dân thường: như là phi công, kỹ thuật viên và chuyên gia tiếp vận. "Lâu Năm Góc Đông", như lính Mỹ đã đặt tên cho bộ tổng chỉ huy ở Sài Gòn, vẫn tiếp tục tồn tại, thay cho các tướng lãnh là 100 "tù viên", cố vấn Mỹ chỉ huy cảnh sát Sài Gòn, bay thay cho Air Force là các công ty tư nhân như "Air America" do CIA thành lập.

Cả ở Campuchia cũng có trên 200 "cố vấn" dân sự ngồi trong Đại sứ quán Mỹ với nhiệm vụ hướng dẫn qua vô tuyến những đoàn máy bay B-52 chống Khmer Đỏ. Đổi lại, nước Mỹ phải trả tiền lương cho quân đội được cho là gồm 300.000 người của Lon Nol – hơn một phần tư của quân đội này chỉ có trên giấy.

Và cuối cùng, khi Quốc Hội cấm Lâu Năm Góc không được tiếp tục ném bom ở Campuchia nữa, thì Henry Kissinger là người đã tìm ra cách để ít nhất là tiếp tục cung cấp vũ khí cho Phnom Penh: Dựa trên sáng kiến của ông, người ta thuê ba công ty hàng không tư nhân, "Bird Air", "Airlift International" và "World Airways", để bảo đảm chiếc cầu hàng không cho thành phố Phnom Penh đang bị đe dọa.

Ellsworth Bunker, 80 tuổi, cho tới mùa xuân 1973 là đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, nói cho bất cứ ai muốn nghe, ông cho rằng lần rút quân của người Mỹ là một "trò bản thiêu khôn nạn", và hãnh diện vì đã giữ được một "mối tiếp xúc tốt và hữu ích" giữa các tướng lãnh Nam Việt Nam và Lâu Năm Góc.

Vì vậy mà hầu như không có gì là ngạc nhiên, khi Hà Nội và Việt Cộng bắt đầu hoài nghi, liệu Kissinger có thể thành công trong việc thực thi ở Sài Gòn giải pháp chính trị do ông phác thảo ra hay không – chẵn chắn là bước đầu của cuộc tái thống nhất trong im lặng nước Việt Nam dưới quyền của người cộng sản.

Được vượt ve bởi sự nổi tiếng của Hiệp định Paris, Kissinger rõ ràng là nhất quyết muốn thu hoạch thành quả chính sách toàn cầu của ông. Trong tháng Hai 1973, ông bay tới Bắc Kinh và Hà Nội, và tuyên bố lúc trở về rằng, "một sự phát triển hòa bình giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt là cũng có thể có" như giữa Washington và Bắc Kinh. Washington đưa ra triển vọng mười tỉ

dollar giúp xây dựng cho Đông Dương, nước Mỹ muốn chi 2,5 tỉ về cho Hà Nội – như là dấu hiệu của sự hòa giải.

Tất cả dường như đều diễn ra theo kế hoạch của Kissinger, số phận của Nam Việt Nam dường như không còn là một vấn đề nghiêm trọng nữa. Trong một cuộc phỏng vấn truyền hình sau chuyến đi thăm Hà Nội, Kissinger giải thích rằng người ta phải tính đến khả năng, rằng Việt Nam sẽ được "tái thống nhất dưới sự bảo hộ của cộng sản."

Trong tháng Năm 1973, nhà cố vấn an ninh lại có mặt ở Paris, để bàn với người đối tác Thọ về Đông Dương, đặc biệt là về việc hai bên đổ lỗi cho nhau là luôn phá hủy và vi phạm Hiệp định. Bây giờ, lần đầu tiên Kissinger nói một cách bi quan về một nền hòa bình đáng ngờ – Quốc Hội Mỹ đã lấy cây gậy dùng trong ngoại giao cứng rắn của Kissinger ra khỏi tay tổng thống: ông không còn được phép ném bom Campuchia nữa. Giữa tháng Mười, Kissinger, bây giờ là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, cùng với đối tác Lê Đức Thọ nhận Giải thưởng Nobel Hòa bình.

Kissinger, trong tư thế hoàn toàn là chính khách, nhận giải – Lê Đức Thọ từ chối. Ông ta cũng biết rõ như Kissinger, rằng kể từ Hiệp định Hòa bình Paris đã lại có thêm hàng chục ngàn người hy sinh tại các mặt trận ở Đông Dương và cuộc chiến đã phá hủy làng mạc và nhà cửa của hàng trăm ngàn người.

Tướng Thiệu, chưa từng bao giờ được Kissinger công khai thông báo về các mục đích của Hiệp định Paris, đã từ chối đóng vai trò của một người quản lý di sản chính trị mà người ta muốn giao cho ông.

"Sẽ không có bầu cử, nhất là với phe trung lập và cộng sản" cho tới chừng nào còn "một người lính Bắc Việt duy nhất ở Nam Việt Nam", Hoàng Đức Nhã, cố vấn trưởng có nhiều ảnh hưởng và là cháu của Thiệu, nói năm ngày sau Hiệp định Ngưng bắn.

Cay đắng vì trò chơi chính trị của người Mỹ, cảm thấy cá nhân bị xúc phạm bởi thái độ của Kissinger to lớn, Thiệu còn để cho quân đội của ông tiến hành dọn sạch cái "da báo" đó, cái đánh dấu sự cùng hiện diện của những người cộng sản và chống cộng sản ở Nam Việt Nam trên bản đồ. "Bây giờ thì tám da báo bảo vệ Việt Cộng sẽ bị sòn", một sĩ quan tham mưu Nam Việt Nam hân hoan nói trong mùa Xuân 1973.

Lúc đầu, quân đội của Hà Nội và Việt Cộng bằng lòng với những phản đối qua lời nói và rõ ràng là tránh va chạm lớn với kẻ địch. "Lúc đó, trong mùa xuân sau Paris, chúng tôi thật sự là thơ ngây cho tới mức đã tin rằng nước Mỹ sẽ ép buộc Thiệu giữ đúng hiệp định. Sự thơ ngây này đã cướp đi nhiều cán bộ tốt nhất của chúng tôi", theo đại tá Việt Cộng Võ Đông Giang, đại diện của Chính phủ Cách mạng Lâm thời, nói với SPIEGEL.

Nước Mỹ mất nhiều hơn là một vài tỉ tiền thuế

Một năm sau khi các "chiến dịch bình định" này bắt đầu, quân đội của Thiệu đã kiểm soát thêm 15% lãnh thổ so với thời điểm của Hiệp định Hòa bình Paris. Nước Mỹ ngạc nhiên nhìn nhận các thành công quân sự bất ngờ của quân đội Nam Việt Nam, trong Nhà Trắng, quan điểm đó lại thẳng thắn thêm một lần nữa, rằng "Việt Nam hóa" cuộc chiến rõ ràng là có thể.

Trong tháng Tư 1974, Sài Gòn hủy các cuộc đàm phán với chính phủ Việt Cộng về tương lai chính trị của đất nước, hai tháng sau đó là cả việc cộng tác trong ủy ban quân sự chung đã được ấn định trong Hiệp định.



Biểu tình lên án CS tấn công và chiếm tỉnh Phước Long ngày 6.1.1975, vi phạm hiệp định hòa bình Paris 1973.

Mãi bây giờ thì miền Bắc bắt đầu chuyển sang thể tấn công – ban đầu vẫn còn là trên bình diện chính trị. Sự chống đối ngày càng tăng của người dân đối với chế độ tham nhũng của Thiệu, ngày càng cứng rắn hơn trong việc cấm đảng phái và kiểm duyệt báo chí, đã khuyến khích Chính phủ Lâm thời kêu gọi "lật đổ bè nhóm Thiệu". Vào ngày 8 tháng Mười, Việt Cộng thêm một lần nữa đề nghị, gửi tới trước hết là Washington: điều kiện cho "đàm phán nhanh chóng", để thực hiện các điều kiện của Hiệp định Hòa bình Paris, là lật đổ Thiệu.

Thế nhưng Lầu Năm Góc đã đánh cược vào thành công quân sự từ lâu, và Henry, người bận rộn với nhiều việc, đối diện với các cuộc khủng hoảng ở Cyprus và ở Cận Đông, không có thời gian để suy nghĩ về hậu quả của cuộc chiến tranh lại leo thang. Được hỏi về việc này, ông trả lời, lại hoàn toàn theo kiểu ngoại giao cứng rắn: "Ngay cả khi người ta thất bại với danh dự thì người ta vẫn là thất bại."

Trong tháng Mười Hai 1974, Hà Nội rõ ràng là đã ra lệnh phản công: chạm trán trên tất cả các mặt trận, tăng dần cường độ, thay đổi địa điểm, từ đồng bằng sông Cửu Long cho tới cố đô Huế. Mãi tới bây giờ, vào lúc chuyển sang năm mới, Hà Nội cũng tăng cường hoạt động: 19 sư đoàn, một phần được bổ sung, vượt vĩ tuyến 17 vào miền Nam. So sánh lực lượng quân đội và vũ khí vẫn còn nghiêng về cho quân đội Nam Việt Nam: 1,2 triệu lính của Thiệu đứng đối diện với tròn 220.000 người từ Hà Nội.

Khi rồi thảm bại của Huế và Đà Nẵng ập vào quân đội Thiệu thì người ta mới biết rõ rằng nước Mỹ, do bỏ lỡ cơ hội sử dụng Hiệp định Hòa bình Paris một cách nhất quán về mặt chính trị, đã mất nhiều hơn là một vài tỉ tiền thuế, rằng cái "decent interval" đó, mặc dù nó đã kéo dài hai năm, vẫn không đủ để miễn cho Washington trách nhiệm về lần sụp đổ của người đồng minh. Trong cuộc trốn chạy của những người lính Việt Nam nhỏ bé của Thiệu tham nhũng, được người Mỹ bảo trợ, một phần tính đáng tin cậy của Hoa Kỳ to lớn cũng đã mất đi. Ở Sài Gòn, Giáo sư Ton That Thien, tuy không phải là bạn của Hoa Kỳ, nhưng thế nào đi nữa thì cũng không phải là người cộng sản, tiên đoán: "Không ai còn tin người Mỹ nữa. Israel cũng sẽ giống hệt như thế này thôi, mặc dù người Israel có thể là mạnh hơn và thông minh hơn chúng tôi."

Việc mà Thuyết Domino, do người Mỹ nghĩ ra, có thể quật trở lại uy tín của Mỹ một cách rõ ràng như vậy thì tất nhiên là khó có thể. Nhưng ít ra thì Tổng thống Ford phải bảo đảm công khai vào thứ năm vừa rồi, rằng không người bạn nào của Hoa Kỳ là phải lo sợ cả, "rằng chúng ta không làm tròn nhiệm vụ của chúng ta". Vậy thì Việt Nam đúng không phải là một "chú thích của lịch sử thế giới"?

Ngoài ra, những gì còn được phát biểu ở Washington trong tuần vừa rồi, khi việc Phnom Penh thất thủ chỉ còn là câu hỏi của từng giờ, của Sài Gòn có lẽ là câu hỏi của vài ngày, cho thấy rằng những người đứng đầu nhà nước Hoa Kỳ hoàn toàn không ở trên một độ cao thích ứng với khoảnh khắc lịch sử, với lần sụp đổ của chính sách đối ngoại của Mỹ ở Đông Á:

Tổng thống Ford đẩy trách nhiệm về mệnh lệnh rút lui quá hấp tấp sang cho Thiệu, một nhân viên cao cấp khác của Mỹ đẩy sang cho cơ quan tình báo, đã không biết chính xác về các kế hoạch của Thiệu và sức chiến đấu của quân đội ông ấy. Khách thăm Sài Gòn Tướng Weyand nói, Nam Việt Nam có thể giữ được mặc cho mọi điều đó, trong khi sếp của ông, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Schlesinger ít ra thì cũng nói về "thảm bại một phần". Và nhân vật chính, Henry Kissinger, thì hoàn toàn không nói gì hết.

Được hỏi, ông muốn nói gì về những sự kiện ở Đông Dương, kiến trúc sư của chính sách về Đông Dương của Mỹ trong bảy năm vừa qua trả lời với một câu hỏi: "Thế tôi cần phải nói gì?"

Phan Ba dịch từ **DER SPIEGEL 15/1975** <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-41533839.html>

11 giờ ngày 30 tháng Tư ở Dinh Tổng Thống

Börries Gallasch từ Sài Gòn

Biên tập viên báo SPIEGEL Gallasch là nhà báo duy nhất có mặt khi người đứng đầu nhà nước Nam Việt Nam, Tướng Minh, đầu hàng – ông đưa ra chiếc máy ghi âm để Minh thu lại bài phát biểu cuối cùng của ông ấy.

Những người lính Nam Việt Nam trước dinh tổng thống Sài Gòn đã rời bỏ những vị trí phòng thủ của họ. Đạn pháo binh bắn tương đối gần, bom nổ, đường phố vắng hoe. Đó là lúc 11 giờ ngày 30 tháng Tư.

Phó Tổng thống Nguyễn Văn Hương bước vào chiếc xe của ông ở trước cầu thang của dinh. Ông ấy nói rằng Tổng thống Dương Văn Minh đang ở trong dinh và chờ "đại diện của Mặt trận Giải phóng" ở trong đó. Rồi ông đi khỏi trong chiếc xe limousine màu đen của ông. Những người lính của đội bảo vệ dinh tổng thống thậm chí chẳng còn chào ông nữa, khi ông đi ngang qua hàng rào phòng thủ của họ - mà súng máy, nòng sắt, quân phục, lựu đạn và cả một khẩu bazooka đang nằm lộn xộn ở trên đó.



Hình: Francois de Mulder

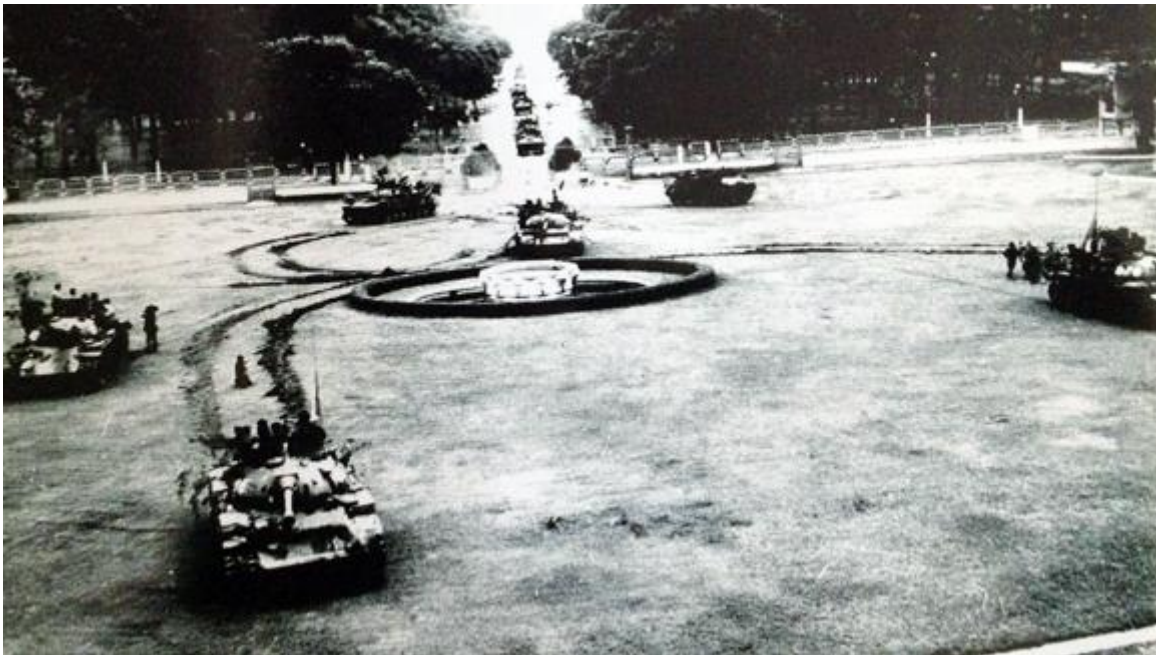
Trên tầng một, tôi gặp Hà Huy Đình, một luật sư ở Sài Gòn, người với bộ râu của ông và chiếc áo màu đen truyền thống của ông trông giống như một phiên bản trẻ tuổi của Hồ Chí Minh. Đình cũng có cùng ý nghĩ, đến dinh tổng thống để xem những gì xảy ra. Trong vòng ba giờ đồng hồ tiếp theo sau đó, Đình luôn ở bên cạnh tôi, ông chụp ảnh và phiên dịch.

Trong khi chúng tôi còn bối rối đứng chờ đợi thì một cánh cửa mở ra ở bên trái của chúng tôi – tướng Minh bước ra với một đoàn tùy tùng khoảng mười người. Họ vừa mới rời hầm của họ

và đi lên văn phòng tổng thống ở tầng hai. Minh nói với tôi: "Thật là tốt khi anh có ở đây. Anh sẽ là nhân chứng khi tôi trao quyền lực của tôi lại cho những người xứng đáng hơn là tôi."

Thủ tướng Vũ Văn Mẫu cũng có mặt. Bất thành linh, sự im lặng bị phá tan bởi lựu đạn và đạn pháo, bởi những loạt đạn của súng máy và những phát đạn súng lục, ngay lập tức, tất cả chúng tôi đều chạy tìm chỗ ẩn nấp. Tôi ngồi ở phía sau một cái cột bằng bê tông và sợ rằng có thể cả một nhà báo người Đức cũng sẽ thuộc về những người chết cuối cùng của cuộc chiến này. Không ai biết: Đó là một cố gắng đảo chánh mà những viên tướng lãnh phản động tiến hành vào phút cuối, hay là đội bảo vệ dinh muốn giết chết ông tổng thống?

Ba chiếc xe tăng T-54 của Xô-viết với những lá cờ không lồ của Mặt trận Giải phóng bây giờ đang lăn trên đại lộ Thống Nhất xuống. Chiếc đầu tiên phá vỡ hàng rào trước dinh bằng cách nó đơn giản là lăn đè bẹp nó xuống. Ngày càng có nhiều xe đến. Cuối cùng, một đoàn khoảng chừng 20 chiếc xe tăng lăn qua bãi cỏ hướng tới dinh và dòng tất cả súng ống bắn đùng đùng lên trời.



Hình: Bőrries Gallsch

Nhóm nhỏ của đội bảo vệ dinh tổng thống, một thời đã hết sức tự hào, bây giờ tụ lại ở rìa của bãi cỏ, giơ tay cao lên khỏi đầu. Sau một lúc, những người chiến thắng ra lệnh cho họ ngồi xuống, việc mà họ cũng thi hành – một hình ảnh của sự bất lực.

Bây giờ thì dinh đầy lính của Quân đội Giải phóng. Khói thuốc súng kéo thành từng đám lên cầu thang. Ở bên trái của gian sảnh, Tướng Minh đứng đối diện với một sĩ quan trông có vẻ dữ tợn của Quân đội Giải phóng, viên chỉ huy Phạm Xuân Thệ. Cầm một khẩu súng ngắn kiểu K 55 trong tay, và tự bản thân cũng tương đối kích động, ông quay sang Minh nói: "Ông Minh, chúng tôi muốn ông đi cùng chúng tôi ngay lập tức tới đài phát thanh và tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, để đừng đổ máu thêm nữa."

Thế nhưng Tướng Minh, mặt đầy nét buồn rầu nhưng rất bình tĩnh, không muốn rời dinh trong khoảnh khắc khó khăn này. Vẫn còn chưa có ai biết được rằng người dân Sài Gòn sẽ phản ứng ra sao trong những giờ tới đây, liệu có xảy ra bạo động và nổi loạn hay không. Vì vậy mà Minh đề nghị ông sẽ thu lại bài phát biểu của ông trong dinh và rồi cho người mang nó sang đài phát thanh. Sau khi trao đổi ngắn, viên chỉ huy đồng ý.

Nhưng mà rồi người ta phải từ bỏ ý định này, vì trong dinh không có thiết bị phù hợp – cũng như ở khắp nơi khác trong thành phố, cả ở trong dinh, nhân viên trong lúc bỏ chạy cũng đã mang theo tất cả những thứ gì mà họ có thể lấy đi được. Tuy chính tôi có chiếc máy thu âm của tôi, nhưng vào thời điểm này thì vẫn chưa hiểu thật ra đó là về vấn đề gì.

Viên chính ủy vừa mới đến Bùi Văn Tùng, Tướng Minh, Thủ tướng Mậu và các chính khách khác tổ chức một cuộc họp báo ngắn trong phòng nghỉ lễ trên tầng một. Sau đó, ba chính trị gia cao cấp và viên chỉ huy Thệ hồi hã rời gian sảnh và đi ra vườn, có các nhà báo tháp tùng.

Hai chiếc xe Jeep đang chờ ở ngoài. Minh và Mậu leo lên một chiếc, chính ủy Tùng lên chiếc kia. Người đi cùng tôi, Đinh, xin phép được cho ông ấy và tôi leo lên chiếc xe của Tùng – như là những người duy nhất không phải là quan chức.



Börries Gallasch và chính ủy Bùi Văn Tùng

Sau một chuyến đi ngắn, hai chiếc xe dừng lại trên đường Nguyễn Bình Khiêm trước một tòa nhà phụ, nhỏ, của đài phát thanh địa phương. Ở đó, chúng tôi đi vào trong một phòng thu nhỏ trên tầng hai, có lẽ khoảng 20 mét vuông. Trong khi chúng tôi đang chờ, một người nhân viên của đài phát thanh cầm lấy bức hình của Thiệu ở trên tường và ném nó ra cửa sổ xuống sân.

Dường như không ai biết bây giờ phải tiếp tục làm gì. Thủ tướng Mậu tháo mũ ôi thấy rõ và quạt mát cho mình. Nhưng trong lúc đó thì ông rặng rờ cứ như toàn bộ những điều này đều là chiến thắng cá nhân của ông ấy; ông trông vui vẻ hơn Minh rất nhiều. Minh và viên chính ủy

ngồi trên hai cái ghế duy nhất, tôi ở giữa họ trên một cái bàn trà nhỏ. Đứng ở phía trước tôi là viên chỉ huy và vẫn còn cầm khẩu súng ngắn của ông ấy ở trong tay – nhưng rõ ràng chỉ là để nắm chặt lấy một cái gì đó, hơn là để đe dọa ai.

Thời gian này, tinh thần căng thẳng đã nhường chỗ cho một bầu không khí thân thiện, tất cả đều nói chuyện phiếm với nhau. Đặc biệt viên chỉ huy Thê, người lúc đầu đã tương đối cộc cằn, bây giờ trông thân thiện và luôn nhắc lại, với Minh: "Anh Minh, đừng sợ! Chúng tôi chiến đấu cho nhân dân, vì chúng tôi phải chiến thắng những kẻ thù xấu xa. Nhưng bây giờ thì chúng tôi ở đây, không có ai đã làm hại anh, và cũng sẽ không có ai làm hại anh."

Không có gì xảy ra thêm nữa trong vòng chừng mười phút. Tôi dùng cơ hội này để đưa ra cho "Big Minh" câu hỏi mà tất cả chúng tôi đều quan tâm tới nhiều nhất, sau khi Minh bước ra nói tiếp Tổng thống Trần Văn Hương: "Tại sao lúc tiếp nhận chức vụ, ông không yêu cầu người Mỹ rời Việt Nam ngay lập tức mà lại chờ cả một ngày, để cho Quân đội Giải phóng đã có thể tăng áp lực quân sự của họ lên Sài Gòn?"

Minh: "Một tối hậu thư như vậy phải được giới hạn ở 24 tiếng đồng hồ. Nhưng chúng tôi biết rõ rằng người Mỹ không thể rút hết được trong thời gian này. Mặt khác, điều cũng quan trọng là sau khi tối hậu thư này hết hạn thì tất cả người Mỹ cũng phải thật sự là đã ra khỏi nước, vì nếu không thì chính phủ Mỹ có thể cố gửi quân đội đến để bảo vệ công dân Mỹ. Điều đó sẽ mang lại hậu quả là thành phố bị phá hủy và mất đi sinh mạng của hàng ngàn con người. Từ lý do này mà tôi đã cho người Mỹ thêm thời gian, trước khi tôi chính thức yêu cầu họ rời khỏi nước trong vòng 24 tiếng đồng hồ."

Tiếp theo: Tại sao Minh không tiếp nhận quyền lực chính phủ sớm hơn từ Thiệu, khi còn có nhiều khả năng hơn để đàm phán với Mặt trận Giải phóng? Minh: "Các viên chỉ huy quân đội đứng hoàn toàn sau lưng Thiệu, thậm chí ngay cả sau khi ông ấy từ chức và đặt Hương lên làm thống đốc. Tôi đã cố gắng mọi thứ trong khả năng của tôi. Nhưng mà quân đội không muốn."

Rồi một câu hỏi cho Thủ tướng Mậu, người cùng thành lập cái được gọi là Lực lượng thứ Ba, người mà mới một tuần trước đây còn nhấn mạnh đến tầm quan trọng trong tương lai của nhóm này: "Bây giờ thì ông còn thấy có những cơ hội nào trong tương lai cho Lực lượng thứ Ba hay không?" Mậu: "Vì bây giờ không còn có Lực lượng thứ Nhất nên chúng tôi cũng không còn cần tới Lực lượng thứ Ba nữa."

Trong lúc đó, chính ủy Tùng phác thảo trên một tờ giấy xanh mà ông giữ ở trên đầu gối bài diễn văn để tướng Minh đọc trong radio. Thình thoảng, ông suy nghĩ về một diễn đạt, gạch một từ và thay nó bằng một từ khác. Gương mặt ông không biểu lộ cảm xúc. Những người đàn ông này đã chiến đấu 30 năm trời để giải phóng đất nước của họ – và bây giờ trong giờ khắc của chiến thắng thì không biết lời tuyên bố đầu hàng cần phải được trình bày trong những từ ngữ nào!

Một vài người lính nói tiếng Nga với tôi, và muốn nói về Chủ nghĩa Mác. Tất cả đều nghĩ rằng một nhà báo người Đức ở cảnh này thì chỉ có thể xuất phát từ nước Cộng hòa Dân chủ Đức. Được giải thích, họ trở nên nghi ngại thêm một chút, nhưng không bất thân thiện.

Tùng muốn Tướng Minh đọc bài văn mà ông cần đọc vào máy ghi âm. Nhưng trong đài phát thanh cũng không có máy ghi âm – nhà này cũng đã bị hôi của. Chỉ còn chiếc máy ghi âm xách tay nhỏ của SPIEGEL thu bài diễn văn. Tất nhiên là không ai biết sử dụng chiếc máy này – và vì vậy mà một biên tập viên của SPIEGEL đã trở thành người điều hành nghi thức tại lần đầu hàng của Nam Việt Nam.



Nhà báo Bőrries Gallasch, Tướng Minh tại đài phát thanh. Hình: Kỳ Sơn

Công việc thu âm phải lập lại đến ba lần: ở lần đầu, Minh không đọc tiếp tục khi ông đến đoạn cần phải nói rằng: "Tôi, Dương Văn Minh, Tổng thống của chính quyền Sài Gòn ..." Ông muốn tự gọi mình một cách đơn giản là "Tướng Minh", không nhắc đến chức vụ tổng thống hai ngày của ông và chính quyền Sài Gòn. Cuối cùng, người ta thống nhất ở thể thức – không làm hài lòng Minh: "Tôi, Tướng Dương Văn Minh, kêu gọi quân lực cộng hòa hạ vũ khí". Nhưng rồi tất cả lại phải làm lại thêm một lần nữa, vì Minh không đọc được chữ viết của viên chính ủy.

Cuối cùng cũng thành công. Chúng tôi vào phòng âm thanh, ở trong một ngôi nhà khác. Tôi ngồi trước micrô và bật máy; Minh ngồi ở bên trái phía sau, những người khác đứng ở cạnh tường,

Sau này tôi mới biết đó là một lần truyền trực tiếp. Những người Việt ngồi trước máy radio của họ chắc có lẽ nghĩ rằng có một nhân viên kỹ thuật người Mỹ kiểm soát chương trình, vì họ nghe tôi hỏi bằng tiếng Anh: "Bây giờ okay chưa?" Và: "Chúng ta có phải lập lại hay không?"

Khi tất cả xong xuôi, viên chính ủy bước sang và nói một điều gì đó mà tôi không hiểu. Đỉnh dịch lại: Như là dấu hiệu của sự đánh giá cao của ông, viên chính ủy muốn tôi lái chở ông về dinh thống thống.

Trong khi Tùng đã ngồi vào chỗ, tôi cố gắng khởi động chiếc Jeep của ông – hoài công. Người tài xế của Tùng, khó chịu vì tôi được ưu tiên, từ chối không giải thích cách khởi động,

và rồi sau một ít lâu thì Tùng lại nhảy xuống xe. Chúng tôi chạy trở về dinh tổng thống trong một chiếc xe khác.

Lúc đó đã là hai giờ chiều. Hàng đoàn người mặc quân phục kéo đi trên đường phố, vũ khí đeo trên vai. Trong chuyến đi chỉ nhìn thấy một người lính chết duy nhất. Anh ấy được chôn trên giá đỡ chân của một chiếc xích lô, đầu luôn đập xuống nhựa đường.

Tôi phải xuống xe ở trước dinh. Trên gương mặt khá ảm đạm của Tùng hiện ra một nụ cười ngắn ngủi. Rồi ông ấy nói từ tiếng Đức duy nhất mà ông biết: "Danke."

Phan Ba dịch từ Der SPIEGEL số 21/1975 (19/05/1975)

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-41496551.html>

Không còn chào mừng nữa, mà là giáo dục cải tạo

Börries Gallasch từ Sài Gòn

Những giây phút kinh hoàng ở Sài Gòn: một người tự thiêu trên cái bục của tượng đài chiến sĩ ở cạnh Quảng trường Lam Sơn, giống như trên một bàn thờ.

Không ai biết người này đã hy sinh vì điều gì – những người lính giật lấy giấy tờ nằm cạnh thân thể đang cháy, những cái có thể đưa ra một lời giải thích, ra khỏi tay của nhà báo. Phim bị tịch thu, đám đông bị giải tán.

Mặc dù vậy, vụ tự sát của con người vô danh đó vẫn có tác động trực tiếp: sự thay đổi bầu không khí ở Sài Gòn đã có thể cảm nhận được. Nỗi lo sợ lại xuất hiện ở trên bề mặt.



Sài Gòn, tháng Năm 1975

Niềm hân hoan của những ngày đầu tiên đã qua rồi, tiếp theo tiếng reo hò mừng chiến tranh kết thúc, tiếp theo sự nhẹ nhõm vì đã không xảy ra những vụ xử án kinh hoàng mà người ta từng lo ngại trước đó, là một sự bất an không rõ ràng. Vì tinh thần hòa giải, cái mà các ông chủ mới nói về nó không biết mệt, đã bắt đầu mất hình dạng. Không có hành động phù hợp đi theo lời nói – thay vào đó, điều ngược lại thường hay xảy ra nhiều hơn.

Năm ngày sau vụ tự thiêu, một phiên tòa của tín ngưỡng: không chỉ "Playboy" và "Penthouse", cả sách của Graham Greene và Kenneth Galbraith cũng bị đưa lên giàn hỏa thiêu ... Trong một cửa hiệu cạnh đường Tự Do, một gia đình nằm trong vũng máu của họ. Người Ấn Độ đó đã từ chối không chịu hy sinh "văn hóa đồi trụy" cho những ngọn lửa của cách mạng. Các dân quân trẻ tuổi trả lời cho sự bướng bỉnh tư sản bằng một khẩu súng tiểu liên, kể cả vợ con.

"Chính miệng của mình là một vũ khí để tự sát", Tướng "Big" Minh nói, con người im lặng đó, người đã là tổng thống cuối cùng trong hai ngày và là người thanh lý Nam Việt Nam cũ, và bây giờ đang tưới hoa lan trong ngôi vườn của ông như là một người về hưu không có lương hưu.



Sài Gòn, 29 tháng Năm 1975, học sinh sinh viên biểu tình chống "văn hóa đòi truy phản động" như là một phần của chiến dịch đốt sách ở Nam Việt Nam. Ước tính có hàng chục ngàn quyển sách và băng thu đã bị đốt cháy kể từ khi chiến dịch bắt đầu vào ngày 21 tháng Năm. Tất cả các nhà sách đều bị đóng cửa bởi sắc lệnh cấm bán sách và băng ghi được sản xuất trong thời gian của chế độ cũ.

Với sự ngây thơ của trẻ con, vô tư lự, như thể không có gì xảy ra, người Sài Gòn vào lúc đầu đã tiếp tục sống như cũ. Linda, cô gái mại dâm từ niềm say mê, sau những lời thề thốt cái thiện đã lại trở về chỗ quen thuộc của cô trên hàng hiên của khách sạn Continental Palace, và cùng với cô là những người nữ đồng nghiệp. Đồi tiền lậu. Chợ tình – tất cả đều như cũ.

Sự phù phiếm của Sài Gòn lúc đầu còn được những người cầm quyền mới khoan dung cho: "Chúng tôi muốn để cho những người anh em ở Sài Gòn của chúng tôi hiểu rõ rằng chúng tôi không phải là những con quái vật", theo một sĩ quan báo chí trong Bộ Ngoại giao. Thế nhưng sự kiên nhẫn của giới quân đội là có giới hạn, và các viên tướng lãnh vẫn còn có quyền quyết định ở Sài Gòn. Không ai biết được rằng tại sao Chính phủ Cách mạng Lâm thời còn chưa nhậm chức. "Ủy Ban Quân Quản", chính phủ quân sự dưới viên tướng cách mạng Trần Văn Trà, đã dọn vào trong Dinh Tổng thống – có vẻ như cho một thời gian dài.

Tuy là một vài thành viên của Chính phủ Cách mạng Lâm thời đã ở lại trong thành phố sau lần duyệt binh lớn mừng chiến thắng vào ngày 15 tháng Năm, thậm chí họ còn có một vài văn

phòng trong ngôi nhà làm việc của thủ tướng cũ ở trên đường Thống Nhất – nhưng các bộ trước đây, mà thời gian sau này đã hoạt động trở lại, đều đứng trực tiếp dưới quyền của chính phủ quân sự.

"Ủy Ban Quân Quản", theo một sinh viên y khoa thất vọng, không cầm quyền, và quản lý thì còn ít hơn nữa. Họ chỉ cầm đoán thôi. Và thật sự là: tất cả các đảng phái chính trị đều bị cấm, hồ bơi đóng cửa, quán rượu và vũ trường, từ sáu tuần nay là cả ngân hàng.

Không còn chào mừng nữa, mà là giáo dục cải tạo: nhân viên nhà nước, quân nhân, sinh viên, trẻ con. Trong khu người Hoa Chợ Lớn, học sinh năm đến mười tuổi phải có mặt ở trường lúc năm giờ sáng, phần lớn còn chưa ăn sáng. Khi những đứa bé than đói, người thầy giáo trả lời: Hãy để chúng ta cầu nguyện đến Chúa của các em, để xem ông ấy có giúp đỡ gì không. Vào lúc mười giờ, cuối cùng người thầy có một ý tưởng tốt hơn. Ông ấy đọc một bài thơ về Hồ Chí Minh và rồi nói rằng: "Bác Hồ luôn sống cùng chúng ta, bác yêu tất cả những đứa cháu như nhau." Thế rồi người thầy phân phát cơm ăn.

Từ những cái loa trên đường phố, cho tới khi chiến bại đã rề rề phát đi những câu khẩu hiệu tuyên truyền của chế độ cũ, bây giờ vang ra các âm thanh mới: "Việt Nam là một" là một trong những bài hát được phát ra từ sáng sớm cho tới chiều tối.



Việt Nam là một, vâng, nhưng không ai biết thật sự là theo cách nào. Tại cuộc duyệt binh mừng chiến thắng, các nhân vật xã hội chủ nghĩa nổi tiếng từ miền Bắc và miền Nam chen chúc nhau trên cái khán đài lớn bằng gỗ. Các viên tướng trong bộ quân phục được cắt may theo mẫu Xô viết hoàn toàn đồng nhất, mà chỉ các phù hiệu khác nhau mới biểu lộ họ là sĩ quan Bắc Việt hay Nam Việt, thành viên của Bộ Chính trị từ Bắc và Nam, chủ tịch nước Bắc,

thủ tướng Nam, và tất nhiên là Lê Đức Thọ và Madame Bình. Một màn trình diễn sự thống nhất.

Đúng là như vậy: những gì mà các chính trị gia miền Nam thể hiện dường như chỉ là trang trí. Hàng ngàn cán bộ hiện giờ đã được chở máy bay từ miền Bắc vào, một phần đến bằng tàu thủy. "Hà Nội quyết định, chính phủ quân sự thi hành – và Chính phủ Cách mạng Lâm thời thậm chí còn không được hỏi đến", một cựu dân biểu của chính quyền cũ phân tích tình hình.

Và tuy vậy cũng có một vài điều ủng hộ, rằng người ta sẽ phải chờ đợi cuộc tái thống nhất chính thức, theo luật pháp quốc tế, thêm ít lâu nữa. Luật sư Hà Huy Đình, người làm việc trong bí mật hai năm trời cho cách mạng, tin rằng ông biết tại sao: "Sự khác biệt xã hội và độ chênh lệch về kinh tế là quá lớn cho một cuộc thống nhất ngay lập tức. Vì vậy mà sẽ có một giai đoạn chuyển tiếp. Nó có thể kéo dài cho tới hai năm."



Sự khác biệt xã hội hiện ra ở mọi góc đường trong Sài Gòn: chợ đen mua bán máy ảnh và radio, với xăng bị đánh cắp chứa trong những chai rượu Whisky trước những trạm xăng đã bị bỏ lại của các tập đoàn đa quốc gia – ai muốn cấm họ mà không tước đi những nguồn thu nhập của nhiều gia đình? Quán cà phê đầy sinh viên, những người ngồi đó trầm ngâm suy nghĩ hàng giờ với một ly Coca Cola, rằng thời gian học đại học cho tới bây giờ của họ chỉ là một sự lãng phí thời gian: quản lý và quản trị kinh doanh – nền kinh tế kế hoạch đang dần xuất hiện hoạt động khác với những thứ đó.

Trong thời gian chuyển tiếp được Đình dự đoán thì theo ông sẽ tiếp tục tồn tại sự chia cắt về hình thức, cái mà hiện giờ đã thể hiện trên giấy tờ chính thức qua cái tên tạm thời của Nam Việt Nam: "Cộng hòa Miền Nam Việt Nam" – một phần đặc biệt của tổng thể.

Và lợi ích tài chính của những người chiến thắng dường như cũng có ảnh hưởng tới các chiến thuật thận trọng của Hà Nội. "Chúng tôi yêu cầu các quốc gia chịu trách nhiệm cho sự tàn phá Nam Việt Nam phải bồi thường", một sĩ quan báo chí từ Hà Nội nói, và nhấn mạnh thêm vào đó: "Đặc biệt là từ Hoa Kỳ và Cộng hòa Liên bang Đức, nước đã hỗ trợ mạnh mẽ cho cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ cho tới cuối cùng."

Thật sự là người ta thấy rõ rằng trong số tất cả các đại sứ quán được di tản trước khi người cộng sản chiến thắng thì chỉ có đại sứ quán của Hoa Kỳ và Cộng hòa Liên bang Đức là còn chưa được sử dụng làm trại lính hay nhà giải trí cho những người chiến thắng: người ta dọn dẹp trước đại sứ quán Mỹ, tòa nhà đóng cửa, khu đất có nhiều trạm canh gác, trong khi những người lính từ trong rừng ra phơi quần áo lót màu xanh ô liu của họ trên hàng rào và trong các cửa sổ của đại sứ quán Anh đối diện.

Nếu như có thể thấy rõ tính toán chính trị trong trường hợp của tòa đại sứ Mỹ thì tình huống có khác đi trong trường hợp của đại sứ quán Đức. Ở đó, một người lính lê dương trước đây, trong một cuộc chiến đấu anh hùng cô độc đã ngăn chặn được những gì tồi tệ nhất: người trông nom nhà Arno Knöchel, rất thích để cho người ta gọi mình là ông đại sứ, vào ngày giải phóng đã nhanh chóng thu hồi con đại bàng của Liên bang Đức và phô bày ra một lá cờ mới – lá cờ của Mặt trận Giải phóng.

Cùng với hàng chục người bạn Việt và các thành viên gia đình, Knöchel sống trong ngôi nhà đại sứ quán dưới một tấm ảnh của Thống chế Rommel và cố thủ vị trí – ở thế tấn công: sau ba tuần, con đại bàng Liên bang Đức lại leo lên cao trên cột cờ, nơi mà bây giờ nó minh chứng cho sự chung sống trong hòa bình với ngôi sao vàng của Mặt trận Giải phóng.

Phan Ba dịch từ Der Spiegel 23/1975 (02/06/1975): <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-41483821.html>